Tiếng Nước Tôi

Bài Tập 4

Tiếng Nước Tôi

Lớp 4

Họ và Tên: _____

Thầy/Cô: _____

Niên Khóa: _____

Trường Thánh Tôma Thiện
Giáo Xứ Thánh Giuse
Grand Prairie, Texas
www.tomathien.org

Phiên Bản 2016

Lời Ngỏ

Bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt là một trong những ước mơ của phần lớn các gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Việc dạy và học tiếng Việt đã trở thành công việc không thể thiếu trong hầu hết các cộng đồng người Việt. Để đáp ứng nhu cầu đó, các thầy cô trường Thánh Tôma Thiện qua bao năm tháng ấp ủ đã biên soạn một bộ sách giáo khoa ***Tiếng Nước Tôi***.

Các bài học trong tập sách này được các thầy cô góp nhặt từ những sách giáo khoa Việt Văn được xuất bản trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam và tại các trung tâm Việt Ngữ tại hải ngoại.

Một số bài trong bộ sách này được trích từ những tác phẩm của các nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, mà vì hoàn cảnh chúng tôi không thể trực tiếp xin phép được. Kính mong quí vị, vì lợi ích của việc bảo tồn tiếng Việt và cũng vì lòng quảng đại xin cho chúng tôi được mạn phép làm công việc này.

Bộ sách này được biên soạn với rất nhiều nỗ lực của các thầy cô, nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong muốn các nhà trí thức, nhà giáo, hay các bậc cha mẹ vui lòng bỏ qua. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe những phê bình, góp ý của quý vị.

Ban Biên Soạn
Trường Thánh Tôma Thiện

Mục Lục

Bài 1: Con Quạ Thông Minh 1
Bài 2: Gà Trống Khôn Ngoan 11
Bài 3: Con Cò Và Bác Nông Dân 21
Bài 4: Sói Đội Lốt Cừu 31
Bài 5: Hai Người Du Khách 41
Bài 6: Quạ Đen Ngu Dốt 51
Bài 7: Ve Và Kiến 61
Bài 8: Quạ Và Thiên Nga 71
Bài 9: Hai Con Dê 81
Bài 10: Gấu Và Đàn Ong 91
Bài 11: Công Và Sếu 101
Bài 12: Vịt Đẻ Trứng Vàng 111
Bài 13: Kiến Và Bồ Câu 121
Bài 14: Đeo Chuông Cho Mèo 131
Bài 15: Hươu Và Cái Bóng 141
Bài 16: Rùa Và Thỏ 151
Bài 17: Con Diệc Kén Ăn 161
Bài 18: Chuột Trả Ơn 171
Bài 19: Người Tiêu Hoang 181
Bài 20: Sư Tử Già Và Cáo 191

Bài 1: Con Quạ Thông Minh

Thứ Hai: Tập Đọc

Phát hiện: *discover*	**Cố gắng:** *attempt, try*	**Thất bại:** *unsuccessful*
Lay lắt: *scattered*	**Công sức:** *effort*	**Kết quả:** *result*

Một con quạ đang khát nước. Nó bay rất lâu để tìm nước nhưng chẳng thấy một giọt nước nào. Mệt quá, nó đậu xuống cành cây nghỉ. Nó nhìn quanh và bỗng thấy một cái bình ở dưới một gốc cây.

Khi tới gần, nó mới phát hiện ra rằng cái bình có chứa rất ít nước, và nó không thể chạm mỏ đến gần đáy mà uống được. Nó thử đủ cách để thò mỏ được đến mặt nước, nhưng mọi cố gắng của nó đều thất bại.

Nhìn chung quanh, quạ thấy những viên sỏi nhỏ nằm lay lắt ở gần đấy. Lập tức, nó dùng mỏ gắp một viên sỏi thả vào bình. Cứ như vậy, nó gắp những viên sỏi khác và tiếp tục thả vào bình.

Chẳng bao lâu, nước đã dâng lên đến miệng bình. Giờ thì nó có thể thò mỏ vào để uống. Quạ rất vui sướng khi nhìn thấy công sức của mình đã có kết quả. Quạ uống thỏa thích những giọt nước mát ngọt rồi bay lên cây nghỉ ngơi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Con quạ nhìn thấy cái bình nước ở đâu?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Khi tới gần cái bình, con quạ phát hiện ra gì?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Cuối cùng, con quạ đã dùng cách nào để có nước uống?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Khi tới gần, nó mới **phát hiện** ra rằng cái bình có chứa rất ít nước... Từ "**phát hiện**" có nghĩa là:

   - *Bỏ qua.*
   - *Mong muốn.*
   - *Nhận ra, nhận thấy.*

2. ... nhưng mọi cố gắng của nó đều **thất bại**. Từ "**thất bại**" có nghĩa là:

   - *Không thành công.*
   - *Mất mát.*
   - *Thành công, có kết quả.*

3. Lập tức, nó dùng mỏ **gắp** một viên sỏi thả vào bình. Từ "**gắp**" có nghĩa là:

   - *Đâm qua.*
   - *Kẹp cho chặt và nhấc lên.*
   - *Múc ra.*

4. Cứ như vậy, nó gắp những viên sỏi khác và **tiếp tục** thả vào bình. Từ "**tiếp tục**" có nghĩa là:

   - *Bỏ vào.*
   - *Ngừng.*
   - *Vẫn làm, không ngừng.*

5. Chẳng bao lâu, nước đã **dâng** lên đến miệng bình. Từ "**dâng**" có nghĩa là:

   - *Hạ xuống.*
   - *Tăng lên.*
   - *Trào ra.*

6. Giờ thì nó có thể **thò** mỏ vào để uống. Từ "**thò**" có nghĩa là:

   - *Đút vào.*
   - *Rút ra.*
   - *Xiết chặt lại.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

No bay rat lau de tim nuoc nhung chang thay mot giot nuoc nao.

No thu du cach de tho mo duoc den mat nuoc, nhung moi co gang cua no deu that bai.

Lap tuc, no dung mo gap mot vien soi tha vao binh.

Chang bao lau, nuoc da dang len den mieng binh.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nó nhìn quang và bống thấy một cái bình ở dưới một gốc câi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Cứ như vậy, nó gấp những viêng sỏi khác và tiếp tục thả vào bình. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Quạ rất vui sướn khi nhình thấy công sức cũa mình đã có kết quả. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Danh Từ

(Cho các em tìm và khoanh tròn các danh từ trong những câu sau.)

1. Mỗi lần đi chợ, bà ngoại đều mua bánh kẹo cho Kiều.

2. Trước khi đi làm, bố dặn Nam phải học hành chăm chỉ.

3. Hồi còn nhỏ, cậu Minh phá dữ lắm.

4. Mẹ tôi trông nom, dạy bảo chúng tôi và coi sóc mọi việc trong nhà.

5. Hoa mai vàng cũng có năm cánh như hoa đào, nhưng cánh hoa mai to hơn cánh hoa đào một chút.

6. Những cánh hoa mai ánh lên một sắc vàng.

7. Chú Hiệp nhìn giống bố như đúc.

8. Bố mẹ yêu và chiều Châu lắm vì chỉ có một mình Châu mà thôi.

9. Khi bố mẹ hỏi han gì, Châu trả lời rất cung kính.

10. Anh Bá bị bệnh nên bố mẹ anh phải chăm nom thuốc thang cho anh.

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Chào:	*hello, hi*	**Cám ơn:**	*thank you*
Khỏe:	*fine, healthy*	**Hôm nay:**	*today*
Mượn:	*borrow*	**Viết chì:**	*pencil*

Việt bước vào lớp trước khi chuông reo. Việt gặp cô Thảo và bạn Nam. Nam quên viết chì ở nhà nên phải mượn Việt…

Việt: Em chào cô Thảo. Cô có khỏe không?
Hello Ms. Thảo. How are you?

Cô Thảo: Cám ơn Việt. Cô khỏe. Hôm nay em có khỏe không?
Thank you Việt. I am fine. How are you today?

Việt: Dạ, cám ơn cô. Hôm nay em khỏe.
Thank you ma'am. I am fine today.
Ô, chào Nam. Hôm nay Nam khỏe không?
Oh, hi Nam. How are you today?

Nam: Chào Việt. Nam khỏe. Nam để quên viết chì ở nhà. Việt làm ơn cho Nam mượn một cây viết chì.
Hi Việt. I am fine. I left my pencil at home. Please let me borrow a pencil.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Mr.:	*ông, thầy (male teacher)*	**Books:**	*sách*
School:	*trường học*	**Eraser:**	*cục tẩy*

Hello Mr. Hùng. How are you?

_____

_____

_____

I left my books at school.

_____

_____

_____

Please let me borrow an eraser.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 2: Gà Trống Khôn Ngoan

Thứ Hai: Tập Đọc

Trú: *take shelter*	**Rỗng:** *hollow*	**Thường lệ:** *as usual*
Tuyệt vời: *extraordinary*	**Nghi ngờ:** *suspicious*	**Lịch sự:** *polite*

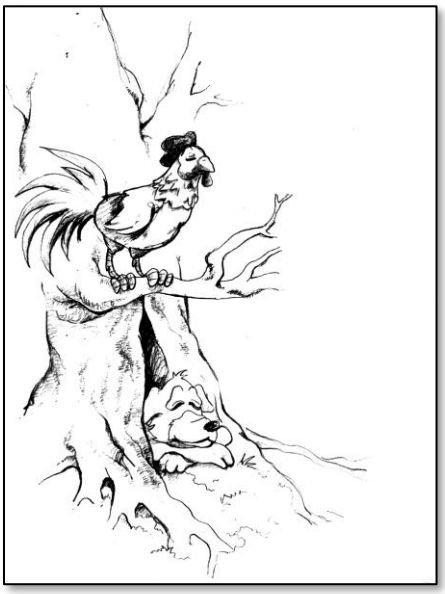

Chó và Gà Trống chơi thân với nhau, rủ nhau cùng đi chơi. Khi đêm xuống chúng trú dưới một gốc cây. Gà Trống bay lên đậu mình trên cành cây. Trong lúc đó, Chó chui vào một thân cây rỗng phía dưới để ngủ.

Khi trời sáng, Gà Trống gáy vang như thường lệ. Cáo nghe thấy, muốn bắt Gà Trống để ăn thịt. Nó tiến lại và nói:

— *Anh có giọng gáy tuyệt vời. Ước gì tôi có được người bạn như anh.*

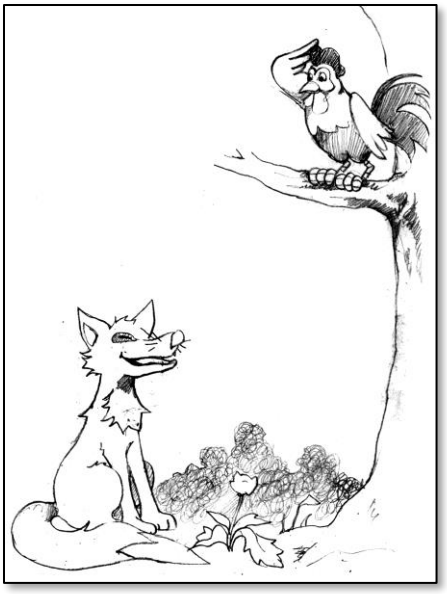

Nghi ngờ thái độ lịch sự của Cáo, Gà Trống bảo:

— *Thưa ông, xin ông vui lòng tới cái thân cây rỗng dưới đây và đánh thức người phu của tôi dậy, để anh ta mở cửa cho ông vào.*

Khi Cáo tiến lại gần cây, Chó nhảy xổ ra, bắt được Cáo, và xé Cáo ra nhiều mảnh.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Tại sao Cáo nói chuyện lịch sự với Gà Trống?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Gà Trống suy nghĩ như thế nào khi nghe Cáo nói chuyện ngọt ngào?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Qua bài đọc ngụ ngôn "Gà Trống Khôn Ngoan", chúng ta rút ra được bài học gì?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Khi đêm xuống chúng **trú** dưới một góc cây. Từ "**trú**" có nghĩa là:

   - *Chơi.*
   - *Ở tạm qua đêm.*
   - *Trốn.*

2. Khi trời sáng, Gà Trống gáy vang như **thường lệ**. Từ "**thường lệ**" có nghĩa là:

   - *Không bao giờ.*
   - *Theo thói quen.*
   - *Thỉnh thoảng.*

3. Anh có giọng gáy **tuyệt vời**. Ước gì tôi có được người bạn như anh. Từ "**tuyệt vời**" có nghĩa là:

   - *Rất điêu luyện, rất hay.*
   - *Rất khó nghe.*
   - *Rất nhàm chán.*

4. **Nghi ngờ** thái độ lịch sự của Cáo... Từ "**nghi ngờ**" có nghĩa là:

   - *Không để ý.*
   - *Không tin.*
   - *Tin.*

5. Nghi ngờ thái độ **lịch sự** của Cáo... Từ "**lịch sự**" có nghĩa là:

   - *Giận dữ.*
   - *Hỗn láo.*
   - *Lễ phép.*

6. Thưa ông, xin ông vui lòng tới cái thân cây rỗng dưới đây và đánh thức **người phu** của tôi dậy, để anh ta mở cửa cho ông vào. Từ "**người phu**" có nghĩa là:

   - *Người bạn.*
   - *Người chủ.*
   - *Người giúp việc.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Cho va Ga Trong choi than voi nhau, ru nhau cung di choi.

Khi troi sang, Ga Trong gay vang nhu thuong le.

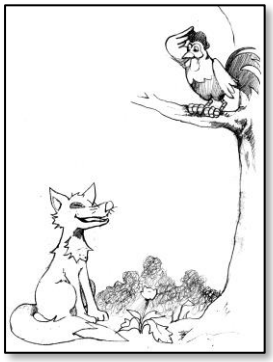

Thua ong, xin ong vui long toi cai than cay rong duoi day va danh thuc nguoi phu cua toi day.

Khi Cao tien lai gan cay, Cho nhay xo ra, bat duoc Cao, va xe Cao ra nhieu manh.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Chong lúc đó, Chó chui vào một thăn cây rống phía dưới để ngủ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Anh có giọn gáy tuyệt vồi. Ước gì tôi có được người bạnh như anh. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thưa ông, xin ông vui lòng tới cái thâng cây rỗng dưới đây và đánh thức người phu cũa tôi dật. (3 lỗi)

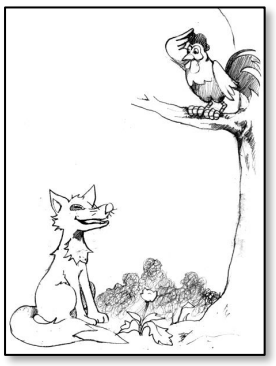

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Động Từ

(Cho các em tìm và khoanh tròn các động từ trong những câu sau.)

1. Lâu lâu, mẹ tôi lại nấu bún bò Huế cho cả nhà ăn.

2. Mỗi ngày Vũ đều tắm rửa sạch sẽ trước khi đi ngủ.

3. Mây đen không biết từ đâu kéo tới che kín cả bầu trời.

4. Đi làm về, mẹ lại đi chợ, nấu cơm và còn tắm cho bé Tâm.

5. Chị Hoa đang đứng xem mấy chú bé chơi bắn bi cãi nhau om xòm.

6. Ở nhà, chị Trang thường nói chuyện bằng giọng Huế với mọi người.

7. Chị Huệ suy nghĩ mãi mà vẫn không giải được bài toán của thầy giáo.

8. Cô giáo dặn Mai mỗi khi nhận một vật gì từ tay người lớn em phải cầm bằng hai tay.

9. Sáng nào Hùng cũng dậy sớm, lấy chổi quét nhà và làm những việc nhẹ để giúp đỡ bố mẹ.

10. Con đường chính đi vào nông trại đã được trải đá và tráng nhựa nên sạch sẽ, phẳng phiu.

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Vui:	*fun*	**Lắm:**	*very, lots of*
Khen:	*praised*	**Câu hỏi:**	*question*

Nam đi học về gặp mẹ…

Nam: Thưa mẹ, con mới về.
Mom, I am home.

Mẹ: Ngoan! Hôm nay đi học như thế nào?
Good boy! How was school today?

Nam: Dạ. Vui lắm. Hôm nay cô giáo khen con vì con đã trả lời đúng hai câu hỏi.
Yes ma'am. Lots of fun. Today the teacher praised me because I answered two questions correctly.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Recess:	*giờ chơi*	**Gave:**	*cho*
Star:	*ngôi sao*	**Incorrectly:**	*sai*

How was recess today?

_____

_____

_____

The teacher gave me a star.

_____

_____

_____

I answered one question incorrectly.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 3: Con Cò Và Bác Nông Dân

Thứ Hai: Tập Đọc

Hiền lành: *good-natured*	**Chất phác:** *simple minded*	**Năn nỉ:** *beg*
Phá phách: *mischievous*	**Hình phạt:** *punishment*	**Lương thiện:** *honest*

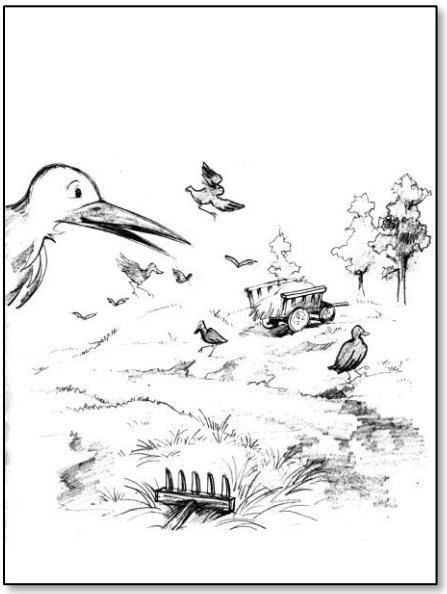

Một con Cò tính tình hiền lành chất phác gặp một bầy ngỗng trời phá phách rủ đi đến một cánh đồng lúa mới cấy.

Nhưng rốt cuộc cả bầy phải rầu rĩ vì đã sa vào bẫy lưới của bác nông dân.

Cò bèn năn nỉ bác nông dân tha cho nó:

— *Xin bác thả cho cháu ra. Cháu thuộc họ nhà cò xưa nay vốn lương thiện và là loài chim có tính tốt. Hơn nữa, cháu đâu có biết lũ ngỗng đi phá lúa của bác.*

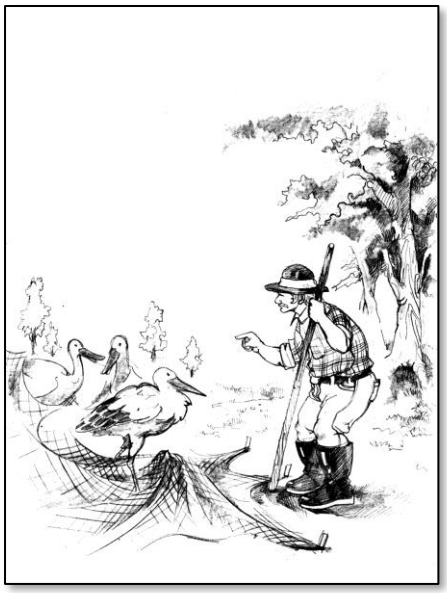

Bác nông dân bảo:

— *Ngươi có thể là loài chim rất tốt, nhưng ta bắt ngươi cùng với lũ ngỗng ăn cướp nên ngươi phải cùng chịu chung hình phạt với chúng.*

Thế là bác nông dân bắt cả Cò cùng lũ ngỗng mang về nhà làm thịt.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Cò hiền lành nhưng tại sao lại theo bầy ngỗng để phá lúa của bác nông dân?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Khi Cò theo bầy ngỗng đi phá lúa của bác nông dân thì Cò bị gì?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao bác nông dân không chịu tha cho Cò?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Cò tính tình hiền lành và **chất phác**. Từ "**chất phác**" có nghĩa là:

   - *Nghịch ngợm.*
   - *Gian trá.*
   - *Thật thà, không gian trá.*

2. Còn đám ngỗng thì lại **phá phách**. Từ "**phá phách**" có nghĩa là:

   - *Hay giúp người.*
   - *Nghịch ngợm.*
   - *Ngoan ngoãn.*

3. Nhưng rốt cuộc cả bầy phải **rầu rĩ** vì đã sa vào bẫy lưới của bác nông dân. Từ "**rầu rĩ**" có nghĩa là:

   - *Buồn bã.*
   - *Sợ hãi.*
   - *Vui mừng.*

4. Cò bèn **năn nỉ** bác nông dân tha cho nó. Từ "**năn nỉ**" có nghĩa là:

   - *Khuyên bảo.*
   - *La mắng.*
   - *Van nài, cầu xin.*

5. Cháu thuộc họ nhà cò xưa nay vốn **lương thiện** và là loài chim có tính tốt. Từ "**lương thiện**" có nghĩa là:

   - *Ác ôn.*
   - *Tốt lành.*
   - *Xảo trá, gian dối.*

6. Ngươi có thể là loài chim rất tốt, nhưng ta bắt ngươi cùng với lũ ngỗng ăn cướp nên ngươi phải cùng chịu chung **hình phạt** với chúng. Từ "**hình phạt**" có nghĩa là:

   - *Sự khen thưởng.*
   - *Sự khuyến khích.*
   - *Sự trừng trị vì có lỗi.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot con Co gap mot bay ngong troi pha phach ru di den mot canh dong.

Nhung rot cuoc ca bay phai rau ri vi da sa vao bay luoi cua bac nong dan.

Chau thuoc ho nha co xua nay von luong thien va la loai chim co tinh tot.

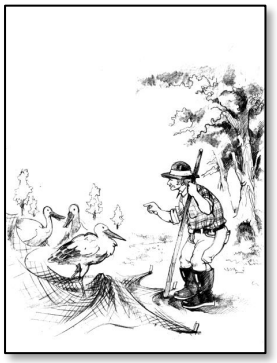

The la bac nong dan bat ca Co cung lu ngong mang ve nha lam thit.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

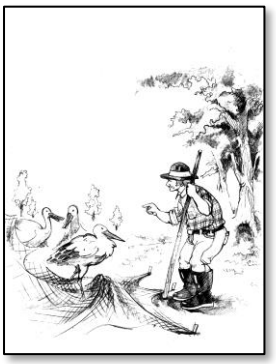

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một con Cò tính tình hiền làng chất phác gặp một bầy ngống trời phá phách rủ đi đến một cánh đồn lúa mới cấy. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Hơn nứa, cháu đâu có biếc lũ ngỗng đi phá lúa cũa bác. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thế là bác nong dân bắc cả Cò cùng lũ nghỗng mang về nhà làm thịt. (3 lỗi)

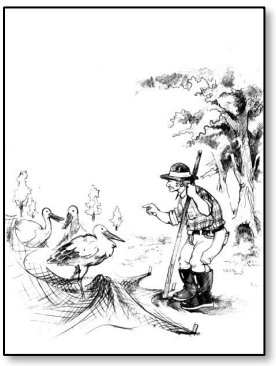

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Hậu rủ Tú đi câu cá.

_____

_____

_____

2. Tân thích đọc sách vào những lúc rảnh rỗi.

_____

_____

_____

3. Anh Huy chở Phi và Cường đi coi máy bay.

_____

_____

_____

4. Hoàng và lũ trẻ xúm lại nô đùa vui vẻ.

_____

_____

_____

5. Năm ngoái, bố chở cả nhà đi tắm biển.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Kem:	*ice cream*	**Thăm:**	*visit*

Sau giờ học, bố đón Nam ở trường. Mẹ đang chờ hai bố con về…

Nam: Chào bố. Thưa bố, con mới học xong.
Hello Dad. I am done with classes, sir.

Bố: Giỏi! Lên xe đi con.
Great! Get in, son.

Nam: Bố, mình đi ăn kem được không?
Dad, can we go eat ice cream?

Bố: Không được, mẹ đang chờ chúng mình ở nhà để đi thăm ông bà ngoại.
No, Mom is waiting for us at home to go visit the grandparents.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Cleaning:	*thu dọn*	**Room:**	*phòng*
Store:	*tiệm, chợ*	**Dinner:**	*cơm tối*

I am done with cleaning my room.

_____

_____

_____

Can we go to the store?

_____

_____

_____

Mom is waiting for us at home to eat dinner.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 4: Sói Đội Lốt Cừu

Thứ Hai: Tập Đọc

Trông chừng: *watch*	**Cẩn thận:** *carefully*	**Dạo bước:** *walk*
Đồng cỏ: *field, meadow*	**Cuỗm:** *seize, steal*	**Đầu tiên:** *first*

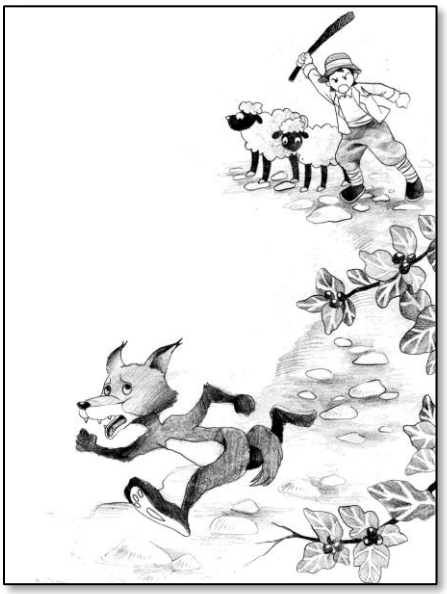

Một con Sói nọ kiếm mồi không đủ ăn vì người chăn cừu trông chừng đàn cừu của mình rất cẩn thận.

Thế nhưng một hôm, nó tìm được một tấm da cừu người ta làm thịt lột da ra bỏ đó rồi quên không lấy đi.

Hôm sau, khoác chiếc áo da cừu vào, Sói dạo bước vào đồng cỏ đi lẫn vào đàn cừu. Chẳng mấy chốc một chú cừu con đi theo nó, và nhanh như chớp, nó cuỗm lấy mang đi ăn thịt.

Tối hôm đó, con Sói lại mò vào bãi nhốt cừu. Nhưng tình cờ hôm đó người chăn cừu lại thích món thịt cừu hầm măng, và anh ta xách dao, đi vào bãi. Con đầu tiên anh gặp và ra tay bắt làm thịt lại đúng là con Sói đội lốt cừu.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Tại sao Sói kiếm mồi không đủ ăn?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Sói lấy tấm da cừu ở đâu?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Sói vào bãi nhốt cừu để làm gì?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con Sói nọ kiếm mồi không đủ ăn vì người chăn cừu **trông chừng** đàn cừu của mình rất cẩn thận. Từ "**trông chừng**" có nghĩa là:

   - *Cho ăn uống thỏa thuê.*
   - *Canh gác, đề phòng.*
   - *Đưa ra cánh đồng.*

2. Một con Sói nọ kiếm mồi không đủ ăn vì người chăn cừu trông chừng đàn cừu của mình rất **cẩn thận**. Từ "**cẩn thận**" có nghĩa là:

   - *Lâu dài, ngày này qua ngày khác.*
   - *Lơ là, không để ý.*
   - *Thận trọng, tránh sơ suất.*

3. Thế nhưng một hôm, nó tìm được một tấm da cừu người ta làm thịt **lột da** ra bỏ đó rồi quên không lấy đi. Từ "**lột da**" có nghĩa là:

   - *Bóc đi phần da.*
   - *Cạo lông.*
   - *Rửa cho sạch.*

4. Sói **dạo bước** vào đồng cỏ đi lẫn vào đàn cừu... Từ "**dạo bước**" có nghĩa là:

   - *Chạy.*
   - *Đi.*
   - *Nhảy.*

5. Chẳng mấy chốc một chú cừu con đi theo nó, và nhanh như chớp, nó **cuỗm** lấy mang đi ăn thịt. Từ "**cuỗm**" có nghĩa là:

   - *Bắt.*
   - *Cầm.*
   - *Lấy.*

6. Tối hôm đó, con Sói lại **mò** vào bãi nhốt cừu. Từ "**mò**" có nghĩa là:

   - *Bỏ đi.*
   - *Chạy thoát.*
   - *Tự tìm đến.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-4 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

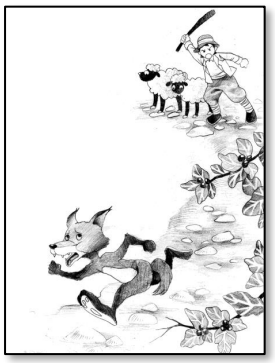

Nguoi chan cuu trong chung dan cuu cua minh rat can than.

The nhung mot hom, no tim duoc mot tam da cuu.

Soi dao buoc vao dong co di lan vao dan cuu.

Con dau tien anh gap va ra tay bat lam thit lai dung la con Soi doi lot cuu.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-4 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-4 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một cơn Sói nọ kếm mồi không đũ ăn. (3 lỗi)

Hôm sau, khoác chiếc áo da cừu vào, Sói dạo bướt vào đồng cỏ đi lẫn vào đàng cừu. (3 lỗi)

Tối hơm đó, con Sói lại mò vào bãy nhốt cửu. (3 lỗi)

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Chú mèo con đang nằm sưởi nắng.

_____

_____

_____

2. Chú chó đang ngồi trên chiếc ghế nệm.

_____

_____

_____

3. Thành sơ ý đã đè bẹp cái thùng.

_____

_____

_____

4. Chị Huệ thích ăn chè bắp.

_____

_____

_____

5. Anh Giáp lỡ tay làm rớt cái ly.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Bóng rổ:	*basketball*	**Bài tập:**	*homework*
Tí nữa:	*later*	**Trước:**	*first, before*

Đi học về, thay vì làm bài, Nam muốn đi chơi bóng rổ…

Nam: Mẹ, con đi chơi bóng rổ với các bạn nhé?
Mom, can I go play basketball with friends?

Mẹ: Con làm bài tập chưa?
Did you do your homework yet?

Nam: Dạ chưa. Tí nữa con làm.
I did not. I will do it later.

Mẹ: Không được. Làm bài tập trước. Làm xong rồi mới đi chơi bóng rổ.
No. Do your homework first. After you finish, then you can play basketball.

Chuyển Ngữ
(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Baseball:	*bóng chày*	**Clean:**	*thu dọn*
Room:	*phòng*	**Park:**	*công viên*

Can I go play baseball with friends?

_____

_____

_____

Did you clean your room yet?

_____

_____

_____

After you finish, then we can go to the park.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 5: Hai Người Du Khách

Thứ Hai: Tập Đọc

Du khách: *traveller*	**Thình lình:** *suddenly*	**Tấn công:** *attack*
Giả bộ: *to pretend*	**Đùa cợt:** *jokingly*	**Nguy hiểm:** *in danger*

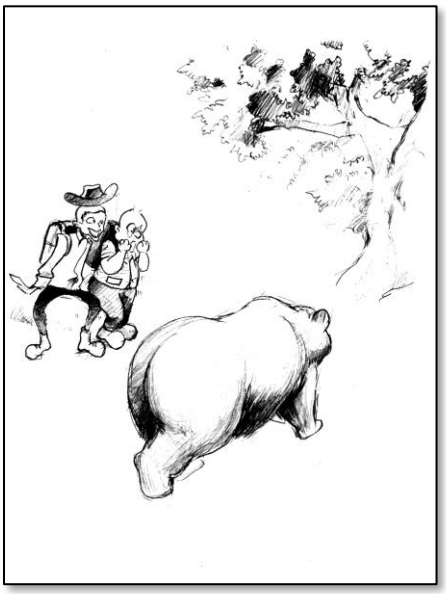

Có hai người du khách đang đi với nhau trong rừng thì thình lình gặp một con gấu ra chặn đường.

Một người nhanh chân leo lên một cây cao. Người còn lại thấy là thế nào mình cũng bị tấn công liền nằm lăn ra đất.

Khi gấu lại gần và dí mõm vào anh ta ngửi khắp người, anh ta nín thở và giả bộ như đã chết thực sự. Chẳng bao lâu, con gấu bỏ đi vì gấu không bao giờ đụng đến xác chết.

Khi con gấu đã đi khỏi, người ở trên cây leo xuống và đùa cợt hỏi thăm người bạn mình là gấu đã thầm thì điều gì vào tai anh thế. "*Nó khuyên tôi*," người bạn trả lời, "*đừng bao giờ làm bạn với một người bỏ mình khi gặp nguy hiểm.*"

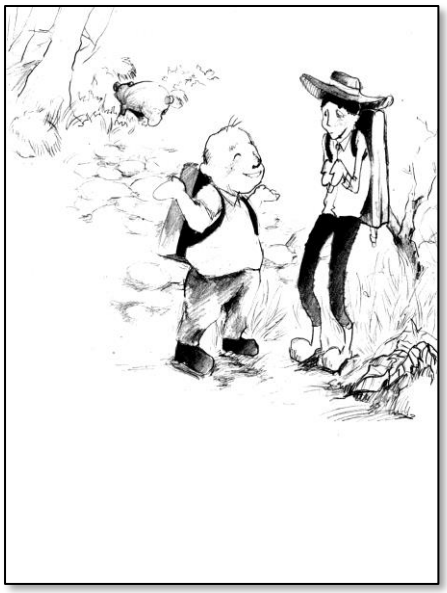

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Con gấu chặn đường hai người du khách ở đâu?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Khi thấy con gấu, hai người du khách làm gì?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Người bạn đã trả lời ra sao cho câu hỏi thăm đùa cợt của bạn mình?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một người **nhanh chân** leo lên một cây cao. Từ "**nhanh chân**" có nghĩa là:

   - *Lanh lẹ.*
   - *Chậm chạp.*
   - *Sợ hãi.*

2. Người còn lại thấy là thế nào mình cũng **bị tấn công** liền nằm lăn ra đất. Từ "**bị tấn công**" có nghĩa là:

   - *Bị chộp bắt, cấu xé.*
   - *Bị la mắng.*
   - *Bị phạt.*

3. ...anh ta nín thở và **giả bộ** như đã chết thực sự. Từ "**giả bộ**" có nghĩa là:

   - *Làm giống như thật.*
   - *Làm không giống thật.*
   - *Làm đồ giả.*

4. Người ở trên cây leo xuống và **đùa cợt** hỏi thăm người bạn mình... Từ "**đùa cợt**" có nghĩa là:

   - *Chân thành, có ý tốt.*
   - *Giỡn một cách tinh nghịch.*
   - *Quan tâm, lo lắng.*

5. ...gấu đã **thầm thì** điều gì vào tai anh thế. Từ "**thầm thì**" có nghĩa là:

   - *Cười giòn.*
   - *Hét to.*
   - *Nói thật nhỏ.*

6. ...đừng bao giờ làm bạn với một người bỏ mình khi gặp **nguy hiểm**. Từ "**nguy hiểm**" có nghĩa là:

   - *Sự vui vẻ.*
   - *Sự sợ hãi.*
   - *Sự tai hại, điều không an toàn.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-5 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

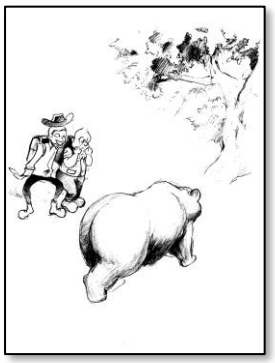

Co hai nguoi du khach dang di voi nhau trong rung thi thinh linh gap mot con gau ra chan duong.

Nguoi con lai thay la the nao minh cung bi tan cong lien nam lan ra dat.

Khi gau lai gan va di mom vao anh ta ngui khap nguoi, anh ta nin tho va gia bo nhu da chet thuc su.

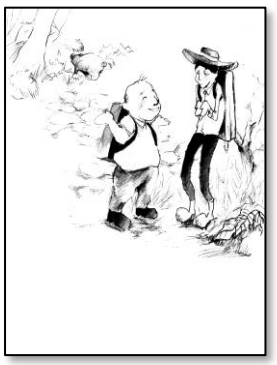

"No khuyen toi," nguoi ban tra loi, "dung bao gio lam ban voi mot nguoi bo minh khi gap nguy hiem."

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-5 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-5 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Có hai người du khách đanh đi với nhau trong rừng thì thình lỉnh gặp một con gấu ra chận đường. (3 lỗi)

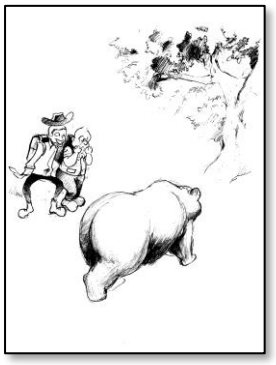

_____

_____

_____

_____

_____

Mộc người nhan chân leo lên một cái cao. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chẳng bao lău, con gấu bỏ đi, vì gấu khôn bao giờ đụng đến xác chết. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Chị Linh đang đọc sách.

_____

_____

_____

2. Chú chim sơn ca đang hót líu lo.

_____

_____

_____

3. Gà mẹ dắt bầy con quây quanh vũng nước.

_____

_____

_____

4. Khi nghe tiếng trống, các em học sinh xếp hàng rồi đi vào lớp.

_____

_____

_____

5. Thầy Thắng nhắc nhở tất cả học sinh phải mặc áo đồng phục.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Tắt:	*turn off*	**Có mặt:**	*present*

Tới giờ cơm tối, Bình còn chơi trò chơi điện tử…

Mẹ: Bình, tới giờ cơm tối rồi! Xuống mà ăn.
Bình, time for dinner! Come down and eat.

Bình: Bố mẹ ăn trước đi. Khi chơi xong, con sẽ xuống ăn.
You and Dad eat first. When finish playing, I will come down to eat.

Mẹ: Tắt ngay đi! Mẹ muốn gia đình mình cùng ăn cơm tối chung với nhau.
Turn it off now! I want our family to eat dinner together.

Bình: Dạ.
Yes ma'am.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Pray:	*cầu nguyện, đọc kinh*	**Homework:**	*bài làm ở nhà*

Time to go to sleep. Come down and pray.

_____

_____

_____

I am doing my homework. I will pray later.

_____

_____

_____

I want our family to pray together.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 6: Quạ Đen Ngu Dốt

Thứ Hai: Tập Đọc

Giương vuốt: *spread its claws*	**Tốc độ:** *speed*	**Thoát thân:** *escape*
Vướng: *entangled*	**Giãy giụa:** *struggle*	**Ngộ:** *strange*

Một con chim đại bàng từ trên cao lao xuống với đôi cánh mạnh mẽ, giương vuốt cắp lấy một chú cừu non và bay về tổ.

Thấy vậy, một con quạ đen tự nghĩ là nó cũng có thể làm được như con đại bàng vậy. Thế là, nó vỗ mạnh đôi cánh, lao xuống với một tốc độ dữ dội, nhanh chóng bấu vào lưng một con cừu đực lớn.

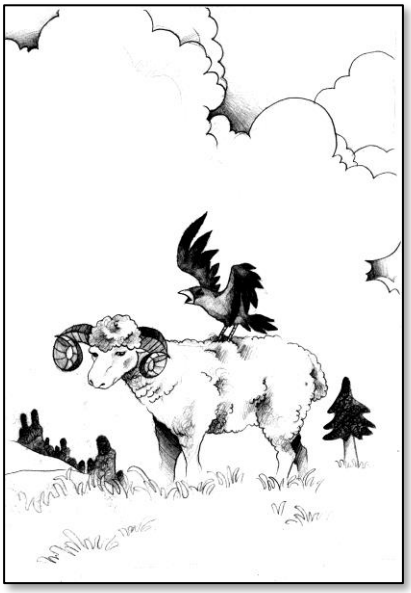

Nhưng khi nó bay lên, nó mới thấy mình không thể bay nổi. Nó cố bay để thoát thân nhưng không được vì bộ móng của nó đã vướng chặt vào lông cừu.

Người chăn cừu nhìn thấy quạ đen giãy giụa liền chạy nhanh tới, bắt và bẻ cánh nó. Chiều đến, ông mang quạ về cho lũ trẻ con chơi. Chúng vừa nói vừa cười:

— *Ồ, con chim gì ngộ quá! Bố gọi nó là con gì thế hả bố?*

— *Nó là quạ đen đấy con ạ. Nhưng nếu con mà hỏi nó, thì nó sẽ bảo nó là đại bàng.*

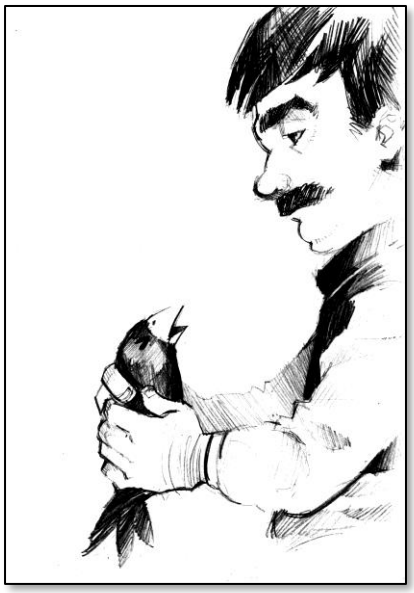

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Con quạ đen đã làm việc ngu dốt gì để bắt chước con đại bàng?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao nó không bay lên được?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Chuyện gì đã xảy ra cho con quạ đen?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con chim đại bàng từ trên cao lao xuống với đôi cánh **mạnh mẽ**, giương vuốt cắp lấy một chú cừu non và bay về tổ. Từ "**mạnh mẽ**" có nghĩa là:

   - *Có nhiều sức lực.*
   - *To lớn.*
   - *Yếu ớt.*

2. Một con chim đại bàng, từ trên cao lao xuống với đôi cánh mạnh mẽ, giương vuốt **cắp lấy** một chú cừu non và bay về tổ. Từ "**cắp lấy**" có nghĩa là:

   - *Kẹp chặt.*
   - *Rượt đuổi.*
   - *Thả ra.*

3. Thế là, nó vỗ mạnh đôi cánh, lao xuống với một **tốc độ** dữ dội, nhanh chóng bấu vào lưng một con cừu đực lớn. Từ "**tốc độ**" có nghĩa là:

   - *Độ nhanh.*
   - *Thời gian.*
   - *Trọng lượng.*

4. Nó cố bay để **thoát thân** nhưng không được vì bộ móng của nó đã vướng chặt vào lông cừu. Từ "**thoát thân**" có nghĩa là:

   - *Bay lên trời.*
   - *Ra khỏi chỗ nguy hiểm.*
   - *Tránh né để khỏi bị bắn.*

5. Người chăn cừu nhìn thấy quạ đen **giãy giụa** liền chạy nhanh tới, bắt và bẻ cánh nó. Từ "**giãy giụa**" có nghĩa là:

   - *Cựa quậy mạnh.*
   - *Nằm im một chỗ.*
   - *Ngước cổ kêu cứu.*

6. Ồ, con chim gì **ngộ** quá! Bố gọi nó là con gì thế hả bố? Từ "**ngộ**" có nghĩa là:

   - *Đẹp, dễ thương.*
   - *Lạ, khác thường.*
   - *Xấu, đáng ghét.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot con chim dai bang tu tren cao lao xuong voi doi canh manh me.

Thay vay, mot con qua den tu nghi la no cung co the lam duoc nhu con dai bang vay.

Nhung khi no bay len, no moi thay minh khong the bay noi.

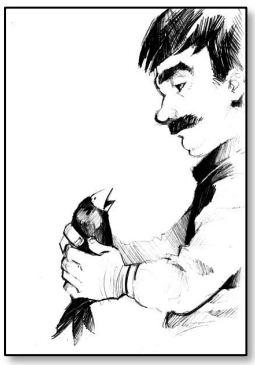

Nguoi chan cuu nhin thay qua den giay giua lien chay nhanh toi, bat va be canh no.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

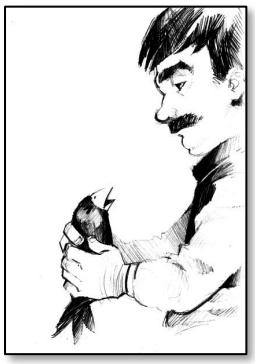

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một con trim đại bàn từ trên cao lao xuống, giương vuốt cắp lẫy một chú cừu non và bay về tổ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thấy vậy, một con quạ đen tự ngĩ là nó củng có thể làm được như cong đại bàng vậy. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Người trăn cừu nhìn thấy quạ đen giáy giụa liền chạy nhang tới, bắt và bẻ cánh nó. (3 lỗi)

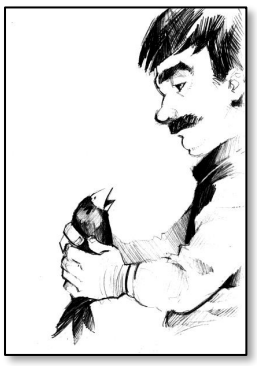

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Khi Nào?

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Bố chở Tâm đi trượt tuyết.

_____

_____

_____

2. Mẹ khuyên em nên chăm học.

_____

_____

_____

3. Cả lớp ngồi yên lặng nghe cô giáo giảng.

_____

_____

_____

4. Tâm chạy huỳnh huỵch trên sân banh.

_____

_____

_____

5. Nha sĩ dặn Tài không nên ăn kẹo nhiều.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Phụ:	*help*	**Hành lá:**	*scallions*
Ngò:	*coriander*	**Giá:**	*bean sprouts*

Nga giúp mẹ làm bếp…

Nga: Mẹ đang nấu gì vậy?
Mom, what are you cooking?

Mẹ: Mẹ đang nấu cháo gà.
I am cooking cháo gà.

Nga: Mẹ muốn con phụ làm gì không?
Do you want me to help doing anything, Mom?

Mẹ: Con phụ mẹ rửa hành lá, ngò và giá nhé.
You can help me wash the scallions, corianders and bean sprouts.

Nga: Dạ, con rất thích phụ mẹ nấu ăn.
Yes, I really like to help you cook.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Bake:	*nướng*	**Turkey:**	*gà tây*
Dry:	*lau khô*	**Put up:**	*cất đi*

What are you baking, Mom?

_____

_____

_____

I am baking a turkey.

_____

_____

_____

You can help me dry and put up the dishes.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 7: Ve Và Kiến

Thứ Hai: Tập Đọc

Thỏa thích: *satisfied*	**Mệt nhọc:** *tired, weary*	**Lao động:** *working, labor*
Cật lực: *arduously*	**Tích trữ:** *stored*	**Bận tâm:** *concern*

Trên cánh đồng nọ vào một ngày mùa hè, có một con Ve đang nhảy nhót và ca hát cho thoả thích trong lòng. Một con Kiến đi ngang qua, mệt nhọc kéo lê một hạt lúa chín về tổ của mình.

"*Lại đây nói chuyện với tôi cho vui*," Ve nói với Kiến. "*Sao mà lại cứ phải lao động cật lực vất vả như vậy?*"

"*Tôi đang cố gắng tìm và tích trữ lương thực cho mùa đông sắp đến*," Kiến nói. "*Tôi nghĩ anh cũng nên làm như vậy*."

"*Sao lại phải bận tâm đến mùa đông làm gì?*" Ve bảo Kiến. "*Bây giờ chúng ta đang có dư thừa thức ăn.*" Nhưng Kiến vẫn đi và tiếp tục công việc vất vả của mình. Thấy vậy, Ve bỏ đi và tiếp tục ca hát, chẳng màng gì tới việc tích trữ lương thực cho mùa đông.

Mùa đông đến, Ve chẳng còn gì để ăn và cảm thấy sắp chết vì đói. Nó nhìn thấy Kiến đang đứng bán bắp và ngũ cốc mà Kiến đã thu nhặt được hằng ngày khi còn mùa hè. Bấy giờ Ve mới biết: *Phải chuẩn bị sẵn sàng những gì mà chúng ta sẽ cần đến.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Ve chỉ biết làm gì trong mùa hè?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao Kiến phải lao động cật lực?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao Ve sắp chết đói khi mùa đông đến?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con kiến đi ngang qua, mệt nhọc **kéo lê** một hạt lúa chín về tổ của mình. Từ "**kéo lê**" có nghĩa là:

   - *Vừa kéo trên mặt đất vừa đi.*
   - *Vừa đội trên đầu vừa đi.*
   - *Vừa vác trên vai vừa chạy.*

2. Sao mà lại cứ phải lao động **cật lực** vất vả như vậy. Từ "**cật lực**" có nghĩa là:

   - *Làm hết sức lực.*
   - *Không làm gì hết.*
   - *Vừa làm vừa chơi.*

3. Tôi đang cố gắng tìm và **tích trữ** lương thực cho mùa đông sắp đến. Từ "**tích trữ**" có nghĩa là:

   - *Bán đi để lấy tiền.*
   - *Gom góp và cất trữ cho tương lai.*
   - *Phân chia cho người khác.*

4. Sao lại phải **bận tâm** đến mùa đông làm gì? Từ "**bận tâm**" có nghĩa là:

   - *Không lo lắng.*
   - *Lo lắng.*
   - *Không suy nghĩ.*

5. Bây giờ chúng ta đang có **dư thừa** thức ăn. Từ "**dư thừa**" có nghĩa là:

   - *Có nhiều hơn cần.*
   - *Thiếu thốn, không đủ.*
   - *Vừa đủ.*

6. Phải **chuẩn bị** sẵn sàng những gì cho những ngày mà chúng ta sẽ cần đến. Từ "**chuẩn bị**" có nghĩa là:

   - *Không cần phải làm vì đã có sẵn.*
   - *Làm sẵn những việc cần thiết.*
   - *Viết xuống để khỏi quên.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot con Kien di ngang qua, met nhoc keo le mot hat lua chin ve to cua minh.

"Toi dang co gang tim va tich tru luong thuc cho mua dong sap den," Kien noi.

"Sao lai phai ban tam den mua dong lam gi?" Ve bao Kien.

Mua dong den, Ve chang con gi de an va cam thay sap chet vi doi.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

"Sao mà lạy cứ phải lao động cật lục vắt vả như vậy?" (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

"Sao lại phãi bận tâm đến mùa đôn làm gì?" Ve bào Kiến. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Mùa đông đếnh, Ve chẳn còn gì để ăn và cảm thẫy sắp chết vì đói. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Khi Nào?

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Tí bị mẹ la vì nói dối.

_____

_____

_____

2. Hương nghỉ học vì bị nhức đầu.

_____

_____

_____

3. Tân làm mất chùm chìa khóa của bố.

_____

_____

_____

4. Bố mua cho Quân một cái máy chụp hình.

_____

_____

_____

5. Anh Thiệu bị cảnh sát phạt vì chạy xe quá nhanh.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Trận đấu:	*game*	**Bóng rổ:**	*basketball*
Giảng bài:	*lecturing*	**Chú ý:**	*pay attention*
Hiểu:	*understand*	**Phạt:**	*punish*

Trong giờ Việt Ngữ, cô đang giảng bài thì Huy nói chuyện với Việt…

Cô giáo: Vào thời ấy…
During that time…

Huy: Ê Việt! Tối hôm qua Việt có coi trận đấu bóng rổ trên ti-vi không?
Hey Việt! Did you watch the basketball game on TV last night?

Việt: Suỵt! Cô đang giảng bài. Nếu mình không chú ý, mình sẽ không hiểu bài. Vả lại, nếu cô thấy mình nói chuyện, cô sẽ phạt đó.
Shhh! The teacher is lecturing. If we don't pay attention, we will not understand the lesson. Besides, if she sees us talking, she will punish us.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Volleyball:	*bóng chuyền*	**Grading papers:**	*chấm bài*
Exercise:	*tập thể dục*	**Get sick:**	*bị bệnh*

Did you play volleyball last night?

_____

_____

_____

The teacher is grading papers.

_____

_____

_____

If we don't exercise, we'll get sick.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 8: Quạ Và Thiên Nga

Thứ Hai: Tập Đọc

Ganh ghét: *envy*	**Đầm lầy:** *marsh*	**Rong rêu:** *algae, moss*
Phù hợp: *acclimate, suitable*	**Dạ dày:** *stomach*	**Gầy đét:** *scraggy, skinny*

Một con Quạ, đen như than, nhưng lại đi ganh ghét với một con Thiên Nga, vì bộ lông của Thiên Nga luôn trắng đẹp như bông.

Quạ ngu ngốc một hôm bỗng nảy ra một ý nghĩ rằng nếu nó cứ sống như Thiên Nga, tức là cứ bơi lội và vùng vẫy suốt ngày trong nước, và ăn cây cỏ rong rêu mọc dưới nước, ắt bộ lông nó sẽ trắng ra như bộ lông của Thiên Nga vậy. Thế là Quạ liền bỏ rừng bay về vùng sông hồ và đầm lầy để sống.

Nhưng dù cho nó ra sức tắm giặt suốt ngày này qua ngày khác bộ lông của nó vẫn cứ đen như ngày nào vậy.

Và khi rong rêu trong nước ăn vào không phù hợp với cái dạ dày của nó, nó càng ngày càng gầy đét, và cuối cùng, ngã lăn ra chết.

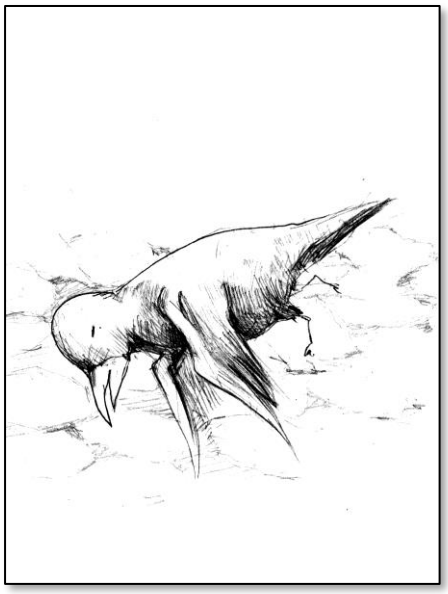

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Bộ lông của Thiên Nga như thế nào?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Tại sao Quạ quyết định thay đổi thói quen và lối sống?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Chuyện gì đã xảy ra với quạ?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con Quạ, đen như than, nhưng lại đi **ganh ghét** với một con Thiên Nga, vì bộ lông của Thiên Nga luôn trắng đẹp như bông. Từ "**ganh ghét**" có nghĩa là:

   - *Không ưa vì nghĩ kẻ khác hơn mình.*
   - *Kính trọng vì nghĩ kẻ khác hơn mình.*
   - *Yêu thích vì kẻ khác thích mình.*

2. Quạ ngu ngốc một hôm bỗng **nảy** ra một ý nghĩ... Từ "**nảy**" có nghĩa là:

   - *Chợt có một ý nghĩ.*
   - *Ghi chép xuống kẻo quên.*
   - *Quên mất ý nghĩ của mình.*

3. Thế là Quạ liền bỏ rừng bay về vùng sông hồ và **đầm lầy** để sống. Từ "**đầm lầy**" có nghĩa là:

   - *Hồ.*
   - *Sông.*
   - *Vũng to và đầy bùn.*

4. Nhưng dù cho nó **ra sức** tắm giặt suốt ngày này qua ngày khác bộ lông của nó vẫn cứ đen như ngày nào vậy. Từ "**ra sức**" có nghĩa là:

   - *Cố gắng hết sức.*
   - *Khôn ngoan.*
   - *Lười biếng.*

5. ...rong rêu trong nước ăn vào **không phù hợp** với cái dạ dày của nó... Từ "**không phù hợp**" có nghĩa là:

   - *Không giống, khác nhau.*
   - *Không hạp với nhu cầu.*
   - *Không đẹp, xấu.*

6. ...nó càng ngày càng **gầy đét**, và cuối cùng, ngã lăn ra chết. Từ "**gầy đét**" có nghĩa là:

   - *Chỉ còn da bọc xương.*
   - *Khỏe mạnh.*
   - *Mập mạp.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

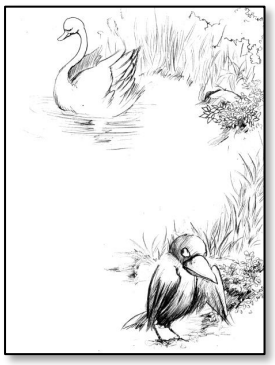

Mot con Qua, den nhu than, nhung lai di ganh ghet voi mot con Thien Nga.

The la Qua lien bo rung bay ve vung song ho va dam lay de song.

Nhung du cho no ra suc tam giat suot ngay nay qua ngay khac bo long cua no van cu den.

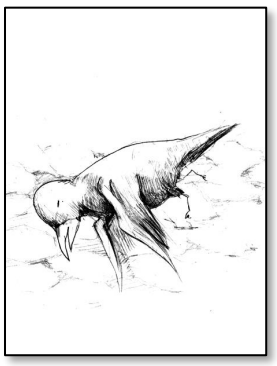

Va khi rong reu trong nuoc an vao khong phu hop voi cai da day cua no, no cang ngay cang gay det.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một con Quạ, đen như thang, nhưng lại đi ganh gét với một con Thiên Nga, vì bộ lông cũa Thiên Nga luôn trắng đẹp như bông. (3 lỗi)

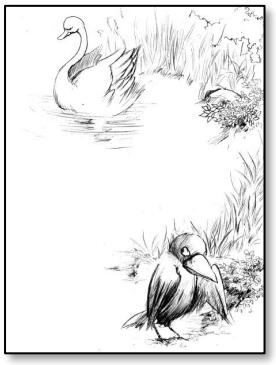

_____

_____

_____

_____

Quạ nghu ngốc một hôm bỗng nải ra một ý nghĩ rằng nếu nó cứ xống như Thiên Nga, ắt bộ lông nó sẽ trắng ra như bộ lông của Thiên Nga vậy. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Và khi ron rêu trong nước ăn vào không phù hộp với cái dạ dày của nó, nó càng ngày càng gầy đéc, và cuối cùng, ngã lăn ra chết. (3 lỗi)

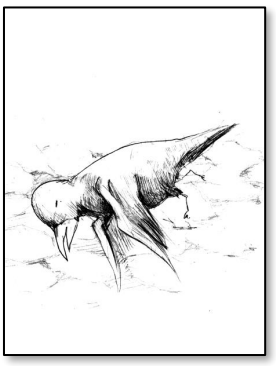

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Khi Nào?

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Lan giúp mẹ giặt và gấp quần áo.

_____

_____

_____

2. Mẹ ra chợ mua một chiếc bánh sinh nhật cho bé Thư.

_____

_____

_____

3. Thuận xin mẹ cho em học thổi kèn.

_____

_____

_____

4. Hải theo bố qua nhà bác Huy ăn giỗ.

_____

_____

_____

5. Phụng làm một tấm thiệp để tặng mẹ.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Sinh nhật:	*birthday*	**Nướng:**	*toast*
Vắt:	*squeezed*	**Chiên:**	*fried*
Thử:	*try*	**Ngon:**	*tastes good*

Hôm nay là ngày sinh nhật của mẹ. Mấy bố con làm bữa ăn sáng cho mẹ…

Vũ & Như: Chúc mừng sinh nhật, mẹ.
Happy birthday, Mom.

Bố: Chúc mừng sinh nhật, em.
Happy birthday, honey.

Mẹ: Cám ơn anh. Cám ơn các con. Ai nấu bữa ăn này vậy?
Thank you, honey. Thank you, children. Who cooked this meal?

Như: Con phụ bố nướng bánh mì.
I helped Dad toast the bread.

Vũ: Con phụ bố vắt nước cam. Còn Bố thì chiên trứng.
I helped Dad squeeze the orange juice. And Dad fried the eggs.

Bố: Em thử xem có ngon không.
Honey, try it to see if it tastes good.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Mow lawn:	*cắt cỏ*	**Wash dishes:**	*rửa chén*
Plant flowers:	*trồng hoa*	**Garden:**	*vườn*

I helped Dad mow the lawn.

_____

_____

_____

I helped Mom wash the dishes.

_____

_____

_____

Dad planted the flowers in the garden.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 9: Hai Con Dê

Thứ Hai: Tập Đọc

Nô đùa: *play, frisking*	**Lởm chởm:** *rough, jagged*	**Tình cờ:** *by chance*
Vực thẳm: *chasm, canyon*	**Lòng kiêu hãnh:** *pride*	**Nhường:** *yield*

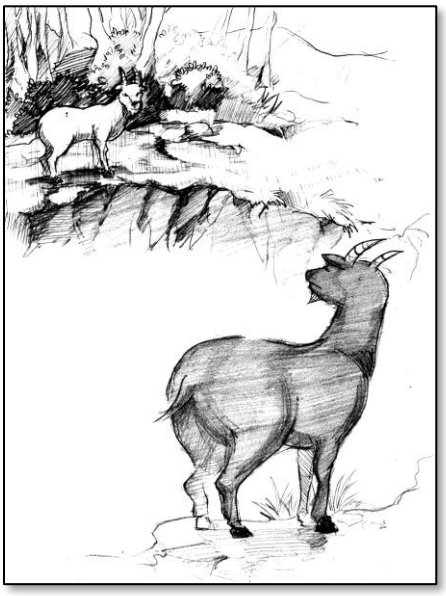

Hai con dê chạy nhảy nô đùa trên đỉnh núi cao đầy những đá lởm chởm, tình cờ gặp nhau tại hai bên bờ một vực thẳm có một thác nước mạnh đổ xuống từ trên núi.

Một thân cây đổ nằm vắt ngang qua vực thẳm tạo thành chiếc cầu duy nhất. Chiếc cầu quá hẹp nên hai chú dê không thể nào đi qua cùng một lúc được. Vì lòng kiêu hãnh, chúng đã không chịu nhường cho bạn của mình qua trước.

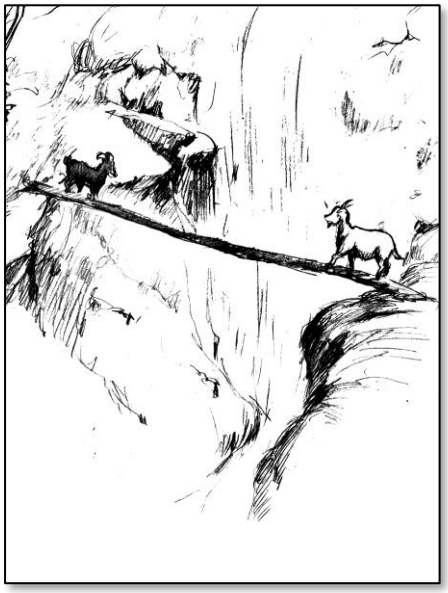

Một con giơ chân ra đặt lên cầu. Con kia cũng giơ chân lên theo. Đến giữa cầu, chúng đụng sừng với nhau.

Cả hai con không con nào chịu nhường đường cho con kia. Cứ thế chúng húc sừng vào nhau làm chiếc cầu rung lên, và cả hai con đều té xuống vực. Dòng thác nước mạnh cuốn chúng mất tăm.

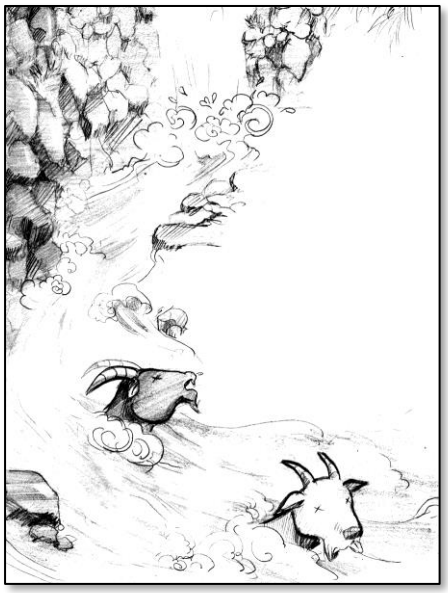

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Hai chú dê gặp nhau ở đâu?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Chúng muốn làm gì?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Chuyện gì đã xảy ra cho hai chú dê khi chúng ở giữa cầu?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Hai con dê chạy nhảy nô đùa trên đỉnh núi cao đầy những đá **lởm chởm**... Từ "**lởm chởm**" có nghĩa là:

   - *Bằng phẳng.*
   - *Có nhiều mũi nhọn nhô lên không đều.*
   - *Nhẵn bóng.*

2. Hai con dê chạy nhảy nô đùa trên đỉnh núi cao đầy những đá lởm chởm, **tình cờ** gặp nhau... Từ "**tình cờ**" có nghĩa là:

   - *Đã hẹn trước.*
   - *Ngẫu nhiên, không hẹn trước.*
   - *Quen biết nhau từ trước.*

3. Một thân cây đổ nằm **vắt** ngang qua vực thẳm tạo thành chiếc cầu duy nhất. Từ "**vắt**" có nghĩa là:

   - *Dựa vào.*
   - *Nằm ngang qua.*
   - *Ngồi trên.*

4. Vì lòng **kiêu hãnh**, chúng đã không chịu nhường cho bạn của mình qua trước. Từ "**kiêu hãnh**" có nghĩa là:

   - *Ganh tị.*
   - *Ghen ghét.*
   - *Tự hào, nghĩ mình hơn người khác.*

5. Cả hai con không con nào chịu **nhường** đường cho con kia. Từ "**nhường**" có nghĩa là:

   - *Chia cho kẻ khác.*
   - *Để cho kẻ khác hưởng, làm trước.*
   - *Giành lấy cho mình.*

6. Cứ thế chúng **húc** sừng vào nhau làm chiếc cầu rung lên, và cả hai con đều té xuống vực. Từ "**húc**" có nghĩa là:

   - *Cầm tay nhau.*
   - *Đâm đầu vào nhau.*
   - *Rượt nhau.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-9 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

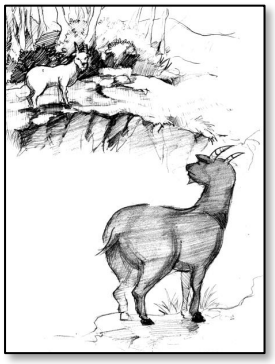

Hai con de chay nhay no dua tren dinh nui cao day nhung da lom chom.

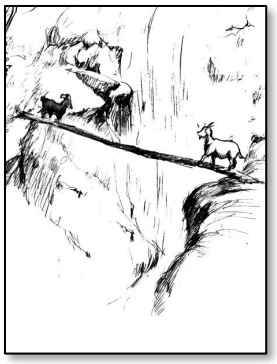

Mot than cay do nam vat ngang qua vuc tham tao thanh chiec cau duy nhat.

Den giua cau, chung dung sung voi nhau.

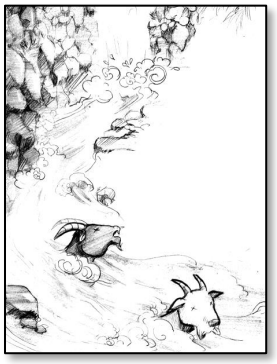

Dong thac nuoc manh cuon chung mat tam.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-9 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

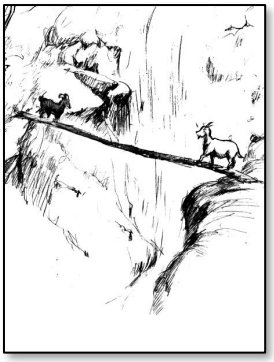

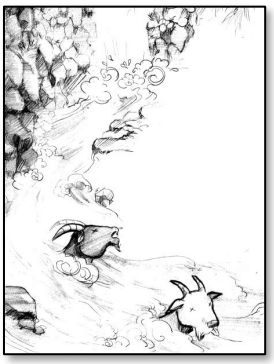

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-9 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Vì lòng kiêu hánh, chúng đã khôn chịu nhường cho bạn cũa mình qua trước. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Một con giơ trân ra đật lên cầu. Con kia cũng giơ châng lên theo. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Cứ thế chúng húc sừng vào nhâu làm chiết cầu run lên, và cả hay con đều té xuống vực. (3 lỗi)

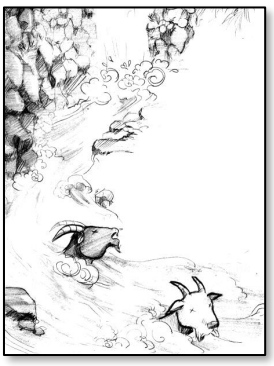

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn và thời gian vào những câu sau.)

1. Lộc lỡ tay làm đổ chén cơm.

_____

_____

_____

2. Mẹ làm mất cái bóp bằng da.

_____

_____

_____

3. Bố mới mua một chiếc xe cắt cỏ.

_____

_____

_____

4. Trang để quên quyển sách.

_____

_____

_____

5. Nhật giúp mẹ hút bụi.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Ú tim:	*hide-and-seek*	**Trốn:**	*hide*
Nhảy dây:	*jump rope*	**Vội:**	*rushed*
Lò cò:	*hopscotch*	**Ngoài:**	*outside*

Trong giờ ra chơi…

Lan: Hồng và Huệ muốn chơi ú tim không?
Hồng and Huệ, do you want to play hide-and-seek?

Huệ: Ở đây không có chỗ nào để trốn hết. Hay là mình chơi nhảy dây?
There's no place to hide here. How about playing jump rope?

Hồng: Sáng nay Hồng vội quá. Hồng quên mang theo dây rồi. Hay là mình chơi lò cò?
I was so rushed this morning. I forgot to bring the rope. How about playing hopscotch?

Lan & Huệ: Được. Mình đi ra ngoài để chơi.
OK. Let's go outside to play.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Tree:	*cây*	**Climb:**	*trèo*
Pencils:	*bút chì*	**Library:**	*thư viện*

There is no tree to climb here.

_____

_____

_____

I forgot to bring the pencils.

_____

_____

_____

Let's go to the library to read books.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 10: Gấu Và Đàn Ong

Thứ Hai: Tập Đọc

Quan sát: *observe, examine*	**Ý đồ:** *intention*	**Bọng cây:** *crevice*
Bình tĩnh: *calm*	**Gắng gượng:** *try*	**Thoát:** *escape*

Một ngày nọ, có một con Gấu đang đi kiếm ăn trong rừng thì tình cờ gặp một thân cây đổ có một tổ ong chứa đầy mật thơm nức.

Gấu cứ chúi mũi vào khúc gỗ để cẩn thận quan sát xem bầy ong có đang ở nhà hay không. Ngay lúc đó, bầy ong từ cánh đồng hoa trở về mang theo rất nhiều mật. Bầy ong vốn rất thông minh nên vừa nhìn thấy Gấu là chúng biết ngay ý đồ của Gấu. Lập tức bầy ong bay ngay đến Gấu, chích cho Gấu thật đau và biến mất vào trong bọng cây.

Trong một thoáng, Gấu đau quá mất cả bình tĩnh. Gấu bèn chồm vào bọng cây dùng răng và vuốt cắn cấu, để phá tổ ong cho tan nát. Nhưng Gấu không ngờ việc làm này của Gấu chỉ khiến bầy ong thêm tức giận và cả bầy bay ra chích.

Thế là chú Gấu tội nghiệp phải gắng gượng đứng lên và chỉ có thể thoát thân bằng cách lao xuống một vũng nước gần đó.

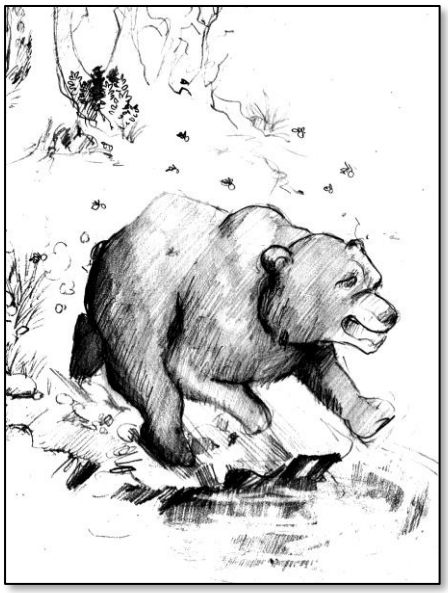

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao con Gấu cứ chúi mũi vào khúc gỗ?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Bầy ong đã làm gì khi biết được ý đồ của Gấu?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Cuối cùng, chú Gấu tội nghiệp phải làm gì để thoát thân?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một ngày nọ, có một con Gấu đang đi kiếm ăn trong rừng thì **tình cờ** gặp một thân cây đổ có một tổ ong chứa đầy mật thơm nức. Từ "**tình cờ**" có nghĩa là:

   - *Do ngẫu nhiên, vô tình gặp.*
   - *Đã dự định trước.*
   - *Ngay lập tức.*

2. Gấu cứ chúi mũi vào khúc gỗ để cẩn thận **quan sát** xem bầy ong có đang ở nhà hay không. Từ "**quan sát**" có nghĩa là:

   - *Lắng nghe.*
   - *Liếc nhìn sơ qua.*
   - *Xem xét kỹ lưỡng.*

3. Bầy ong vốn rất thông minh nên vừa nhìn thấy Gấu là chúng biết ngay **ý đồ** của Gấu. Từ "**ý đồ**" có nghĩa là:

   - *Ý định, mục đích.*
   - *Ý kiến.*
   - *Ý thức.*

4. Trong một thoáng, Gấu đau quá mất cả **bình tĩnh**. Từ "**bình tĩnh**" có nghĩa là:

   - *Bối rối.*
   - *Hốt hoảng.*
   - *Giữ thái độ bình thường.*

5. Thế là chú Gấu tội nghiệp phải **gắng gượng** đứng lên... Từ "**gắng gượng**" có nghĩa là:

   - *Cố làm dù không đủ sức.*
   - *Đồng ý.*
   - *Từ bỏ.*

6. ...và chỉ có thể **thoát thân** bằng cách lao xuống một vũng nước gần đó. Từ "**thoát thân**" có nghĩa là:

   - *Bị giam giữ.*
   - *Bơi lội.*
   - *Ra khỏi chỗ nguy hiểm.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Co mot con Gau dang di kiem an trong rung thi tinh co gap mot than cay do co mot to ong chua day mat.

Gau cu chui mui vao khuc go de can than quan sat xem bay ong co dang o nha hay khong.

Gau ben chom vao bong cay dung rang va vuot can cau, de pha to ong cho tan nat.

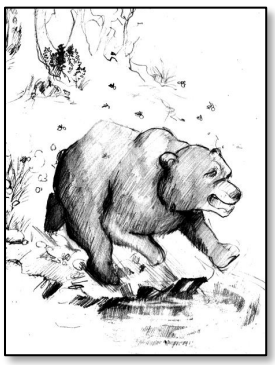

Chu Gau phai gang guong dung len va thoat than bang cach lao xuong mot vung nuoc gan do.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Bầy ơng vốn rất thôn minh nên vửa nhìn thấy Gấu là chúng biết ngay ý đồ của Gấu. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Nhưng Gấu không nghờ việc làm này của Gấu chỉ khiếng bầy ong thêm tức giận và cả bầy bai ra chích. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Thế là chú Gấu tội nghiệp phãi gắng gượng đứng lênh và chỉ có thể thoát thân bằn cách lao xuống một vũng nước gần đó. (3 lỗi)

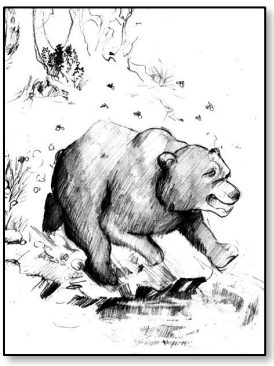

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn và thời gian vào những câu sau.)

1. Bé Ngọc nhặt vỏ ốc và bỏ vào lọ.

_____

_____

_____

2. Bố chở Tài tới hồ bơi.

_____

_____

_____

3. Hân và Kim chạy đua.

_____

_____

_____

4. Dì Mai mua một đôi guốc.

_____

_____

_____

5. Cậu Toàn chở chúng em đi thăm bà ngoại.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Sinh nhật:	*birthday*	**Ca-vát:**	*cravat, tie*
Chấm tròn:	*polka dots*	**Sneakers:**	*giày ba-ta*

Như và Vũ tặng bố quà nhân ngày sinh nhật của bố…

Vũ: Như, hôm nay là ngày sinh nhật của bố. Em mua gì cho bố vậy?
Như, today is Dad's birthday. What did you buy for him?

Như: Em mua cho bố cái ca-vát màu đỏ đậm với chấm tròn. Còn anh?
I bought him a dark red cravat with polka dots. And you?

Vũ: Anh mua cho bố đôi giày ba-ta mà anh thích nhất.
I bought Dad a pair of sneakers that I like the most.

Như: Giày số mấy?
What size?

Vũ: Giày số 7, cùng số với giày của anh.
Size 7, same size as mine.

Như: ?!!??
?!!??

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Lunar New Year:	*Tết Nguyên Đán*	**Backpack:**	*ba-lô*

Today is Lunar New Year.

_____

_____

_____

What did he buy for you?

_____

_____

_____

He bought me a blue backpack.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 11: Công Và Sếu

Thứ Hai: Tập Đọc

Kiêu căng: *arrogant*	**Khoe:** *flaunt, show off*	**Óng ánh:** *glittering, sparkle*
Khiêu khích: *provoke*	**Cố gắng:** *try*	**Nặng trĩu:** *heavy*

Có một con Công hết sức kiêu căng. Một hôm gặp một con Sếu, Công muốn khoe cái đuôi lộng lẫy của mình. Nó xòe cái đuôi óng ánh ra trong ánh nắng để khoe với Sếu.

"*Xem này,*" Công khiêu khích, "*Bộ bạn muốn so đuôi với tôi sao? Tôi mặc lấy cho mình mọi ánh hào quang của cầu vồng, còn lông bạn thì lại xám như đất vậy mà bạn cũng dám khoe!*"

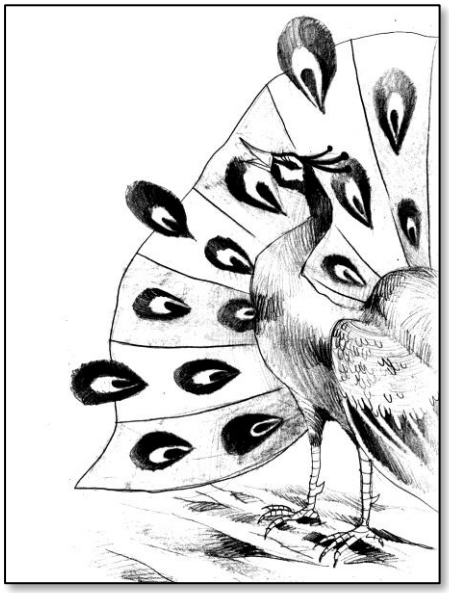

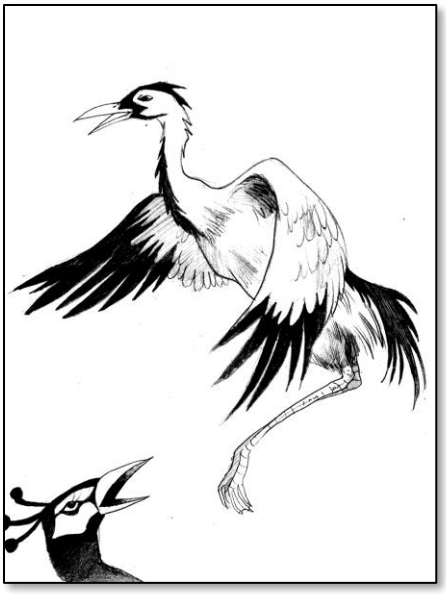

Sếu xòe rộng đôi cánh vỗ mạnh và bay lên tận mây xanh.

"*Có giỏi thì bay theo tôi*," Sếu nói.

Công đập cánh cố gắng bay lên trời như sếu, nhưng vì cái đuôi nặng trĩu, Công không thể rời khỏi mặt đất.

Công chỉ có thể đứng lại giữa một bầy gà vịt trong sân chuồng, còn Sếu thì thỏa sức vẫy vùng giữa trời mây bao la.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi gặp Sếu, Công đã làm gì?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao Công không thể bay lên trời cao?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Tính tình của Công như thế nào?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Có một con Công hết sức **kiêu căng**. Từ "**kiêu căng**" có nghĩa là:

   - *Khiêm nhường.*
   - *Mặc cảm.*
   - *Tự cho mình hay, giỏi hơn người.*

2. Một hôm gặp một con Sếu, Công muốn **khoe** cái đuôi lộng lẫy của mình. Từ "**khoe**" có nghĩa là:

   - *Cho thấy cái hay, cái đẹp của mình.*
   - *Cho thấy cái xấu của mình.*
   - *Cho biết mình có cái đuôi.*

3. Nó xòe cái đuôi **óng ánh** ra trong ánh nắng để khoe với Sếu. Từ "**óng ánh**" có nghĩa là:

   - *Bóng và nhiều màu.*
   - *Đen.*
   - *Mờ.*

4. "*Xem này,*" Công **khiêu khích**, "*Bộ bạn muốn so đuôi với tôi sao?*" Từ "**khiêu khích**" có nghĩa là:

   - *Chọc tức.*
   - *Chơi đùa.*
   - *Kết bạn.*

5. Công đập cánh cố gắng bay lên trời như sếu, nhưng vì cái đuôi **nặng trĩu**, Công không thể rời khỏi mặt đất. Từ "**nặng trĩu**" có nghĩa là:

   - *Lòng thòng.*
   - *Nặng đến độ như bị níu, kéo xuống.*
   - *Nhẹ tênh.*

6. Công chỉ có thể đứng lại giữa một bầy gà vịt trong sân chuồng, còn Sếu thì thỏa sức **vẫy vùng** giữa trời mây bao la. Từ "**vẫy vùng**" có nghĩa là:

   - *Không được làm theo ý mình.*
   - *Làm theo ý mình, không bị kiềm chế.*
   - *Phải làm theo người khác.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot hom gap mot con Seu, Cong muon khoe cai duoi long lay cua minh.

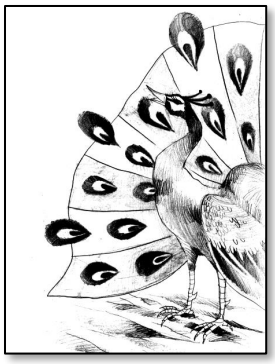

"Toi mac lay cho minh moi anh hao quang cua cau vong."

Seu xoe rong doi canh vo manh va bay len tan may xanh.

Cong chi co the dung lai giua mot bay ga vit trong san chuong.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nó xõe cái đuôi óng ánh ra tron ánh nắng đề khoe với Sếu. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Công đặp cánh cố gắng bai lên trời như sếu, nhưng vì cái đuôi nặn trĩu, Công không thể rời khỏi mặt đất. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Công chỉ có thể đứn lại giữa một bầy gà vịt trông sân chuồng, còn Sếu thì thỏa sứt vẫy vùng giữa trời mây bao la. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Em thức dậy sớm mỗi ngày.

_____

_____

_____

2. Bố gọi thợ mộc sửa mái nhà.

_____

_____

_____

3. Châu xin mẹ tiền.

_____

_____

_____

4. Mẹ tặng bố một cái đồng hồ đeo tay.

_____

_____

_____

5. Hải nhờ bố chở đi cắt tóc.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Văn phòng:	*office*	**Bác sĩ:**	*doctor*
Bận:	*busy*	**Nhắn:**	*leave a message*

Lan đang làm bài thì điện thoại reng…

Lan: A-lô?
Hello?

Người gọi: Mẹ cháu có ở đó không?
Is your mom there?

Lan: Dạ, xin lỗi ai ở đầu dây?
May I ask who is on the line?

Người gọi: Đây là cô Tâm ở văn phòng bác sĩ.
This is Ms. Tâm at the doctor's office.

Lan: Dạ thưa cô, mẹ cháu đang bận. Cô có muốn nhắn gì không?
My mom is currently busy, ma'am. Would you like to leave a message?

Người gọi: Làm ơn nói với mẹ cháu gọi lại cho cô.
Please tell your mom to call me.

Lan: Dạ, chào cô.
Yes, ma'am. Bye bye.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Not:	*không*	**Drink:**	*uống*
Water:	*nước*	**Come:**	*tới*

My mom is not home.

_____

_____

_____

Would you like to drink some water?

_____

_____

_____

Please tell your dad to come to the doctor's office.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 12: Vịt Đẻ Trứng Vàng

Thứ Hai: Tập Đọc

Nông dân: *farmer*	**Tuyệt vời:** *wonderful*	**Lấp lánh:** *sparkle*
Hài lòng: *satisfied*	**Ý nghĩ:** *thought, idea*	**Quý giá:** *precious*

Thuở xưa có một người nông dân nuôi được một con vịt hết sức tuyệt vời. Mỗi ngày nó có thể đẻ cho bác ấy một quả trứng bằng vàng sáng lấp lánh tuyệt đẹp.

Bác nông dân cứ hằng ngày có trứng vàng đem bán, chẳng mấy chốc trở nên giàu có. Thế nhưng bác vẫn chưa hài lòng, vì mỗi ngày nó chỉ có thể đẻ được có mỗi một quả trứng duy nhất mà thôi. Bác thấy giàu như vậy vẫn chưa đủ nhanh.

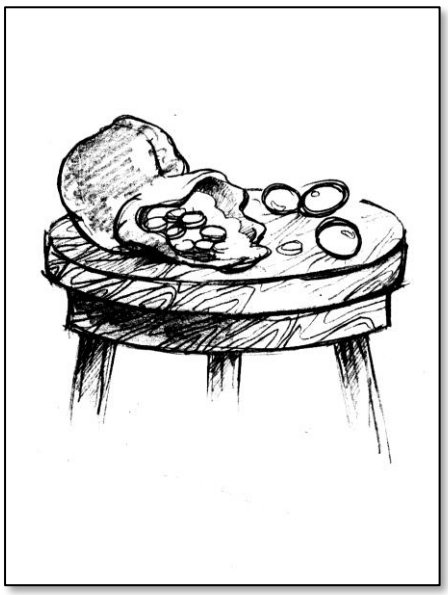

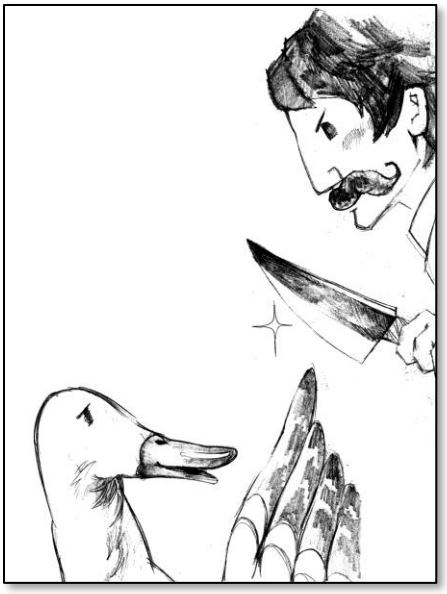

Thế là cho đến một hôm, sau khi đếm tiền bán trứng xong, bác mới nảy ra ý nghĩ rằng bác có thể lấy hết được vàng trong bụng vịt bằng cách mổ bụng ra mà lấy cho hết trứng.

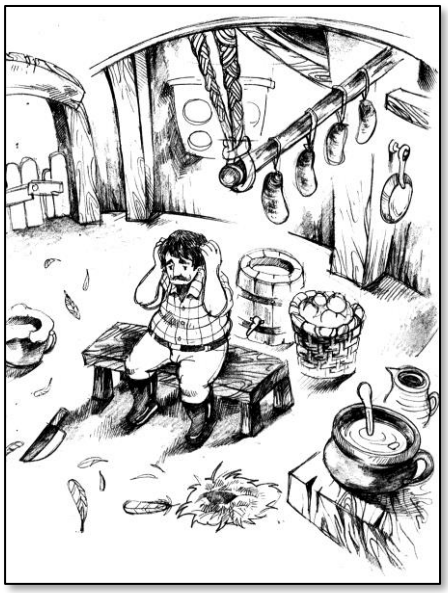

Thế nhưng sau khi mổ bụng vịt ra, bác chẳng thấy có quả trứng vàng nào cả, mà con vịt quý giá thì đã chết.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Bác nông dân đã nuôi được một con gì? Hằng ngày nó đã làm gì cho bác?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Bác nông dân đã làm gì với những trái trứng vàng?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Cuối cùng bác đã làm gì với con Vịt?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Mỗi ngày nó có thể đẻ cho bác ấy một quả trứng bằng vàng sáng **lấp lánh** tuyệt đẹp. Từ "**lấp lánh**" có nghĩa là:

   - *Cũ kỹ.*
   - *Lu mờ.*
   - *Óng ánh, phản chiếu ánh sáng.*

2. Bác nông dân cứ hằng ngày có trứng vàng đem bán, **chẳng mấy chốc** trở nên giàu có. Từ "**chẳng mấy chốc**" có nghĩa là:

   - *Chẳng bao giờ.*
   - *Không bao lâu, rất nhanh.*
   - *Rất chậm.*

3. Thế nhưng bác vẫn **chưa hài lòng**, vì mỗi ngày nó chỉ có thể đẻ được có mỗi một quả trứng... Từ "**chưa hài lòng**" có nghĩa là:

   - *Không để ý.*
   - *Không vừa ý.*
   - *Rất vừa ý.*

4. Thế nhưng bác vẫn chưa hài lòng, vì mỗi ngày nó chỉ có thể đẻ được có mỗi một quả trứng **duy nhất** mà thôi. Từ "**duy nhất**" có nghĩa là:

   - *Chỉ có một mà thôi.*
   - *Có nhiều.*
   - *Lớn nhất.*

5. Thế là cho đến một hôm, sau khi đếm tiền bán trứng xong, bác mới **nảy ra** ý nghĩ rằng bác có thể lấy hết được vàng trong bụng Vịt... Từ "**nảy ra**" có nghĩa là:

   - *Chẳng thèm suy nghĩ.*
   - *Nghĩ mãi không ra.*
   - *Tự nhiên nghĩ ra được.*

6. Thế nhưng sau khi mổ bụng Vịt ra, bác chẳng thấy có quả trứng vàng nào cả, mà con Vịt **quý giá** thì đã chết. Từ "**quý giá**" có nghĩa là:

   - *Đẹp nhất.*
   - *Hiếm, có giá trị cao.*
   - *Rẻ tiền.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-12 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Moi ngay no co the de cho bac ay mot qua trung bang vang sang lap lanh tuyet dep.

Bac nong dan cu hang ngay co trung vang dem ban.

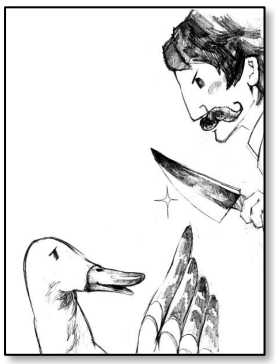

Bac moi nay ra y nghi rang bac co the lay het duoc vang trong bung vit.

The nhung sau khi mo bung vit ra, bac chang thay co qua trung vang nao.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-12 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

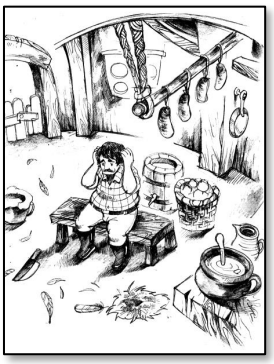

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-12 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Mỗi ngài nó có thể đẻ cho bác ấy một quã trứng bằng vàng sán lấp lánh tuyệt đẹp. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Bác nông dâng cứ hằng ngày có trứng vảng đem bán, chẳng mấy chốc trổ nên giàu có. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thế nhưn sau khi mổ bụng vịt ra, bác chẳng thấy có quả trứng vàng nào cả, mà cong vịt quý giá thì đã chết. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Thảo giúp mẹ bào vỏ cà-rốt.

_____

_____

_____

2. Thái là một học trò ngoan.

_____

_____

_____

3. Hòa bị trật chân.

_____

_____

_____

4. Em tắt đèn khi ra khỏi phòng.

_____

_____

_____

5. Hoàng xin lỗi mẹ.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Sân chơi:	*playground*	**Xin phép:**	*ask permission*
Ăn trưa:	*lunch*	**Rủ:**	*invite*

Sáng Thứ Bảy, Thiên đang ở sân chơi. Thiên gọi điện thoại rủ An ra chơi…

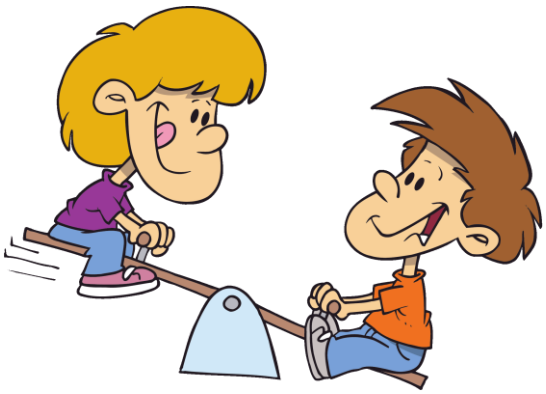

An: A-lô?
Hello?

Thiên: An? Thiên đây. Thiên đang ở ngoài sân chơi. An có muốn ra đây chơi không?
An? This is Thiên. I am at the playground. Do you want to come out here to play?

An: Được, nhưng chờ An xin phép mẹ đã. Mẹ, con đi xe đạp ra sân chơi gặp Thiên được không?
OK, but wait for me to ask permission from my mom. Mom, can I ride my bike to the playground to meet Thiên?

Mẹ: Được. Nhớ về ăn trưa nhe con. Nhớ rủ theo Thiên.
Yes. Remember to come home for lunch. Remember to invite Thiên also.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Mall:	*thương xá*	**To shop:**	*mua sắm*
Money:	*tiền*	**Drive:**	*chở*

I am at the mall. Do you want to come here to shop?

_____

_____

_____

OK, but wait for me to ask money from my dad.

_____

_____

_____

Dad, can you drive me to the mall to meet my friends?

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 13: Kiến Và Bồ Câu

Thứ Hai: Tập Đọc

Thỏa mãn: *satisfy*	**Cuốn trôi:** *swept by water*	**Chết đuối:** *drowned*
Trôi dạt: *adrift*	**An toàn:** *safely*	**Ý đồ:** *intention*

Một con kiến đi đến bờ sông để thỏa mãn cơn khát của mình bị trượt chân xuống dòng nước xiết và bị cuốn trôi.

Đang lúc con kiến sắp bị chết đuối thì có con chim bồ câu đang đậu trên cành cây nhìn thấy bèn mổ lấy một chiếc lá và thả xuống dưới dòng nước cho trôi theo. Con kiến bèn leo lên chiếc lá và trôi dạt an toàn vào bờ.

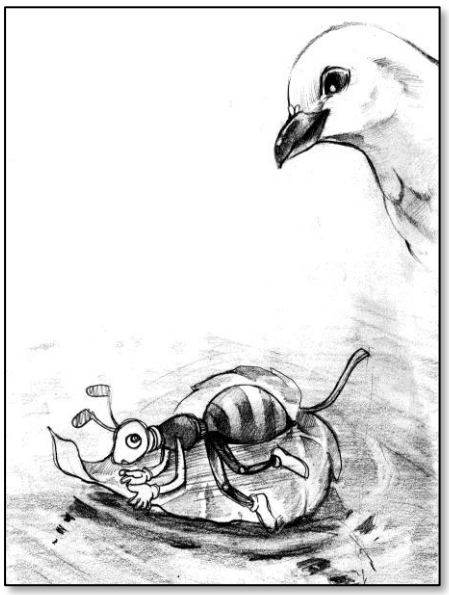

Ít lâu sau, một kẻ săn chim đứng dưới gốc cây, đặt một cái bẫy lên cành để bắt chim.

Kiến nhìn thấy và bỗng nhận ra ý đồ của hắn ta, liền cắn vào chân hắn. Kẻ săn chim đau quá đánh rơi chiếc bẫy gây ra tiếng động làm chim biết và bay đi mất.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Con chim bồ câu đã làm gì để cứu con kiến khỏi bị chết đuối?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Người thợ săn đặt bẫy lên cành cây để làm gì?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Để trả ơn, con kiến đã cứu chim bồ câu bằng cách nào?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con kiến đi đến bờ sông để thỏa mãn cơn khát của mình bị trượt chân xuống dòng nước **xiết** và bị cuốn trôi. Từ "**xiết**" có nghĩa là:

   - *Chảy chậm.*
   - *Chảy mạnh.*
   - *Ngưng lại, không chảy.*

2. Đang lúc con kiến sắp bị **chết đuối**... Từ "**chết đuối**" có nghĩa là:

   - *Chết ngạt do bị chìm dưới nước.*
   - *Chết vì bệnh.*
   - *Chết vì tai nạn.*

3. ...con chim bồ câu đang đậu trên cành cây nhìn thấy bèn **mổ** lấy một chiếc lá. Từ "**mổ**" có nghĩa là:

   - *Dùng mỏ để nhặt, ngắt.*
   - *Nhai.*
   - *Nuốt.*

4. Con kiến bèn leo lên chiếc lá và **trôi dạt** an toàn vào bờ. Từ "**trôi dạt**" có nghĩa là:

   - *Cuốn theo dòng nước.*
   - *Đi trên đường.*
   - *Rớt từ trên cao.*

5. Con kiến bèn leo lên chiếc lá và trôi dạt **an toàn** vào bờ. Từ "**an toàn**" có nghĩa là:

   - *Gặp tai nạn.*
   - *Chìm dưới nước.*
   - *Yên ổn, không còn nguy hiểm.*

6. Kiến nhìn thấy và bỗng nhận ra **ý đồ** của hắn ta, liền cắn vào chân hắn. Từ "**ý đồ**" có nghĩa là:

   - *Sự suy nghĩ có tính toán.*
   - *Tiếng nói.*
   - *Vẻ mặt.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-13 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot con kien di den bo song bi truot chan xuong dong nuoc xiet.

Con kien ben leo len chiec la va troi dat an toan vao bo.

It lau sau, mot ke san chim dung duoi goc cay, dat mot cai bay len canh de bat chim.

Kien nhin thay va bong nhan ra y do cua han ta, lien can vao chan han.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-13 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-13 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một con kiếng đi đến bờ sông để thỏa mán cơn khát của mình bị trược chân xuống dòng nước xiết và bị cuốn trôi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Ít lâu sâu, một kẻ săn chim đứng dưới gốc cây, đặt một cáy bẫy lên càn để bắt chim. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Kẻ săn chim đâu quá đáng rơi chiếc bấy gây ra tiếng động làm chim biết và bay đi mất. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Tuần trước, Lan đi học trễ.

_____

_____

_____

2. Bố chở cả gia đình đi ăn phở.

_____

_____

_____

3. Mẹ mua cho Thiện cái cặp mới.

_____

_____

_____

4. Bà gửi cho em một gói quà.

_____

_____

_____

5. Hùng quên làm bài tập.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Rủ:	*invite*	**Trước:**	*before, first*

Đức xin phép mẹ để mời Bảo tới nhà chơi…

Đức: Mẹ, cho con rủ Bảo tới nhà mình chơi được không?
Mom, can I invite Bảo to come to our house to play?

Mẹ: Con làm bài Việt Ngữ xong chưa?
Are you done with your Vietnamese homework?

Đức: Dạ chưa.
Not yet, ma'am.

Mẹ: Con hãy làm bài trước. Làm xong rồi thì rủ bạn qua chơi.
Do your homework first. When done, then you can invite your friend to come over to play.

Đức: Vâng.
Yes ma'am.

Mẹ: Chơi tới chiều thôi để mai còn đi học Việt Ngữ nữa.
Play until evening only so that you can go to Vietnamese class tomorrow.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Baseball:	*bóng chày*	**Cleaning:**	*thu dọn*
Stay up:	*thức*	**Wake up early:**	*dậy sớm*

Mom, can I ask Tú to come to our house to play baseball?

_____

_____

_____

Are you done with cleaning your room?

_____

_____

_____

Stay up until 9:00 p.m. only so that you can wake up early tomorrow.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 14: Đeo Chuông Cho Mèo

Thứ Hai: Tập Đọc

Khó khăn: *difficult*	**Săn bắt:** *hunted*	**Tụ họp:** *gather*
Bàn tính: *discuss*	**Giải pháp:** *solution*	**Y kiến:** *idea*

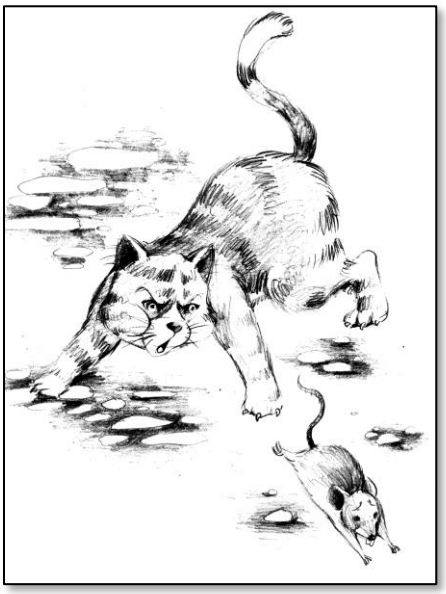

Vì mèo mà cuộc sống họ nhà chuột trở nên khó khăn. Ngày nào chuột cũng bị mèo săn bắt.

Một hôm, họ nhà chuột tụ họp bàn tính xem làm cách nào để thoát được mèo. Bàn đi tính lại, chuột không nghĩ được giải pháp nào.

Bấy giờ một con chuột nhắt mới lên tiếng:

— *Tôi xin có ý kiến. Sở dĩ chúng ta bị bắt là bởi vì chúng ta không biết khi nào mèo đến cạnh chúng ta. Bây giờ, chúng ta hãy đeo cái chuông này quanh cổ mèo. Như vậy, khi nào mèo đến gần, chúng ta sẽ đều nghe rõ và dễ dàng lẩn trốn.*

Lời đề nghị này được mọi người khen hay.

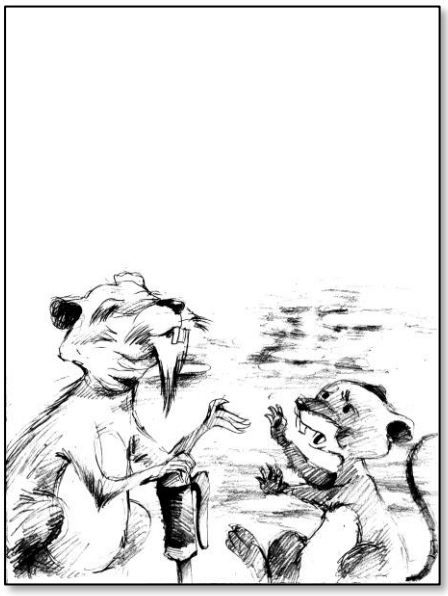

Cho đến một lúc sau, một con chuột già đứng dậy và nói:

— *Tốt lắm, thế nhưng ai sẽ là người đeo chuông cho mèo đây?*

Lũ chuột cứ con này nhìn con kia không con nào nói gì. Thấy vậy, chuột già liền bảo:

— *Nói thì bao giờ cũng dễ, nhưng làm thì mới khó.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao cuộc sống của chuột trở nên khó khăn?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Chuột nhắt có ý kiến như thế nào?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao không có con chuột nào tình nguyện để đeo chuông cho mèo?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Vì mèo mà cuộc sống họ nhà chuột trở nên **khó khăn**. Từ "**khó khăn**" có nghĩa là:

   - *Có nhiều trở ngại.*
   - *Sung túc hơn.*
   - *Vui vẻ hơn.*

2. Ngày nào chuột cũng bị mèo **săn bắt**. Từ "**săn bắt**" có nghĩa là:

   - *Bị đuổi đi.*
   - *Bị đuổi bắt.*
   - *Bị đuổi theo.*

3. Một hôm, họ nhà chuột **tụ họp** bàn tính xem làm cách nào để thoát được mèo. Từ "**tụ họp**" có nghĩa là:

   - *Gặp ở một chỗ.*
   - *Chia ra để nói chuyện.*
   - *Tản ra khắp nơi.*

4. Bàn đi tính lại, chuột không nghĩ được **giải pháp** nào. Từ "**giải pháp**" có nghĩa là:

   - *Cách giải quyết.*
   - *Cách trốn.*
   - *Sự giúp đỡ.*

5. Như vậy, khi nào mèo đến gần, chúng ta sẽ đều nghe rõ và dễ dàng **lẩn trốn**. Từ "**lẩn trốn**" có nghĩa là:

   - *Đánh nhau.*
   - *Gặp mặt.*
   - *Núp đi để không bị tìm thấy.*

6. Lời **đề nghị** này được mọi người khen hay. Từ "**đề nghị**" có nghĩa là:

   - *Ca hát.*
   - *Đưa ra ý kiến.*
   - *Khuyên bảo.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-14 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

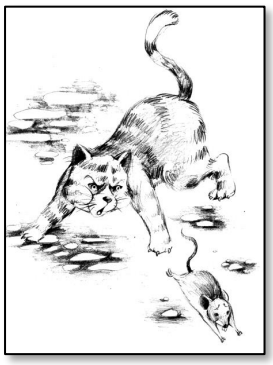

Vi meo ma cuoc song ho nha chuot tro nen kho khan.

Mot hom, ho nha chuot tu hop ban tinh xem lam cach nao de thoat duoc meo.

So di chung ta bi bat la boi vi chung ta khong biet khi nao meo den canh chung ta.

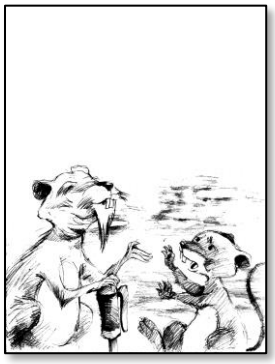

Tot lam, the nhung ai se la nguoi deo chuong cho meo day?

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-14 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

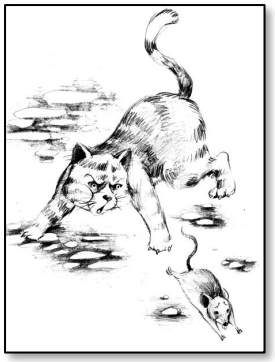

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-14 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một hơm, họ nhà chuột tụ họp bành tính xem làm các nào để thoát được mèo. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Như vậi, khi nào mèo đến gần, chúng ta sẽ đều nge rõ và dế dàng lẩn trốn. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Lũ truột cứ con này nhình con kia không con não nói gì. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do vào những câu sau.)

1. Lễ đánh mất chiếc điện thoại di động.

_____

_____

_____

2. Hằng rủ Huệ đi hái hoa.

_____

_____

_____

3. Việt giúp bố ráp cái bàn mới mua.

_____

_____

_____

4. Trúc phải đi bệnh viện.

_____

_____

_____

5. Mẹ chở bé Lan tới trường.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Vắng mặt:	*absent*	**Sốt:**	*fever*
Tuần trước:	*last week*	**Tuần này:**	*this week*
Tuần sau:	*next week*	**Nộp:**	*turn in*

Tuần trước Duy bị bệnh nên không đi học. Tuần này Duy đến lớp Việt Ngữ trước khi chuông reo để gặp cô giáo…

Duy: Thưa cô, tuần trước con vắng mặt vì bị sốt. Mình đã học gì vậy cô?
Ma'am, last week I was absent because I had a fever. What did we study?

Cô giáo: Tuần trước mình học bài học 6. Còn bài làm ở nhà, mình làm bài tập 6.
Last week we studied lesson 6. For homework, we did exercise 6.

Duy: Tuần này con nộp bài tập 5. Tuần sau con sẽ nộp bài tập 6, được không cô?
This week I'll turn in exercise 5. Can I turn in exercise 6 next week?

Cô giáo: Được, không sao.
Yes, no problem.

Duy: Cám ơn cô.
Thank you, ma'am.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Had a headache:	*bị nhức đầu*	**Watch:**	*coi, xem*
Movie theater:	*rạp phim*	**Return:**	*trả lại*

Yesterday, I did not study because I had a headache.

_____

_____

_____

What did you watch at the movie theater?

_____

_____

_____

Can I return it to you next week?

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 15: Hươu Và Cái Bóng

Thứ Hai: Tập Đọc

Ngưỡng mộ: *admire*	**Xấu hổ:** *ashamed*	**Khẳng khiu:** *scrawny*
Lộng lẫy: *splendid*	**Đánh hơi:** *smell*	**Vướng:** *entangled*

Một con Hươu uống nước trên một dòng suối trong vắt, nhìn rõ cái bóng của mình ở dưới nước. Nó hết sức ngưỡng mộ những nhánh gạc cong cong thanh nhã của nó, nhưng lại xấu hổ với những cái chân khẳng khiu của mình.

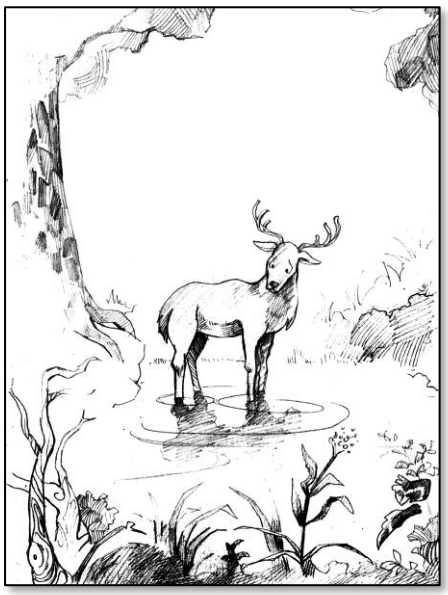

Nó thở dài và lẩm bẩm nói: "*Đầu đội vương miện lộng lẫy như thế này mà mấy cái chân thì như những que củi, thấy phát ghét.*"

Trong lúc đang còn mải mê nhìn ngắm hình bóng mình dưới nước, nó đánh hơi thấy mùi của một con báo. Ngay lập tức, nó phóng như bay biến mất vào rừng.

Nhưng khi nó đang chạy, đám gạc trên đầu nó vướng vào mấy nhánh cây. Thế là nó bị con báo vồ được. Lúc đó nó mới hiểu ra rằng những cái chân đáng xấu hổ kia lẽ ra đã cứu được nó, nhưng vì cái vương miện đẹp đẽ trên đầu lại hại nó.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi nhìn ngắm hình bóng mình dưới nước, con hươu ngưỡng mộ cái gì trên thân thể nó? Nó xấu hổ với cái gì?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Tại sao con hươu lại chạy vào rừng?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Nó có chạy thoát không? Tại sao?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Nó hết sức **ngưỡng mộ** những nhánh gạc cong cong thanh nhã của nó... Từ "**ngưỡng mộ**" có nghĩa là:

   - *Bực mình.*
   - *Chán ghét.*
   - *Hãnh diện, yêu thích, khâm phục.*

2. ...nhưng lại **xấu hổ** với những cái chân khẳng khiu của mình. Từ "**xấu hổ**" có nghĩa là:

   - *Hãnh diện.*
   - *Hổ thẹn, ngượng ngùng.*
   - *Yêu thích.*

3. ...nhưng lại xấu hổ với những cái chân **khẳng khiu** của mình. Từ "**khẳng khiu**" có nghĩa là:

   - *Gầy đét.*
   - *Mập mạp.*
   - *Thấp lùn.*

4. Đầu đội vương miện **lộng lẫy** như thế này mà mấy cái chân thì như những que củi, thấy phát ghét. Từ "**lộng lẫy**" có nghĩa là:

   - *Đẹp rực rỡ và sang trọng.*
   - *Nhỏ bé, xinh xinh.*
   - *Xấu xí và cũ kỹ.*

5. Nó **đánh hơi** thấy mùi của một con báo. Từ "**đánh hơi**" có nghĩa là:

   - *Nghe.*
   - *Ngửi.*
   - *Nhìn.*

6. Thế là nó bị con báo **vồ** được. Từ "**vồ**" có nghĩa là:

   - *Chụp bắt.*
   - *Rượt đuổi.*
   - *Thả ra.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-15 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

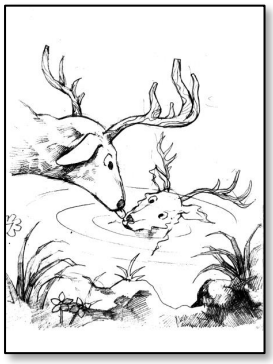

Mot con Huou uong nuoc tren mot dong suoi trong vat, nhin ro cai bong cua minh o duoi nuoc.

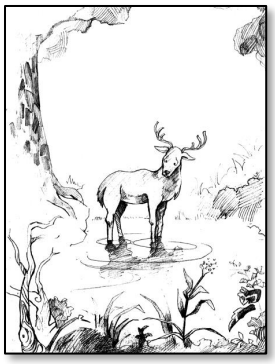

Dau doi vuong mien long lay nhu the nay ma may cai chan thi nhu nhung que cui, thay phat ghet.

Trong luc dang con mai me nhin ngam hinh bong minh duoi nuoc, no danh hoi thay mui cua mot con bao.

Nhung khi no dang chay, dam gac tren dau no vuong vao may nhanh cay.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-15 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-15 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nó hết sức ngưỡng mộ những nhánh gạc cong cong thanh nhá của nó, nhưng lại xấu hổ với những cáy chân khẳng khiu của mình. (3 lỗi)

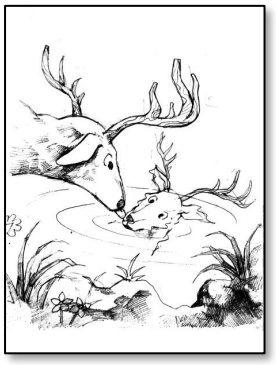

_____

_____

_____

_____

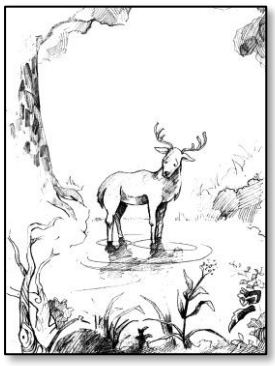

Nó thở dài và lẩm bẩm nói: "Đầu đội vương miệng lộng lấy như thế này mà mấi cái chân thì như những que củi, thấy phát ghét." (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Ngai lập tức, nó phống như bay biến mấc vào rừng. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do vào những câu sau.)

1. Lễ xin phép bố mẹ đi chơi.

_____

_____

_____

2. Hằng phụ bố tưới cây.

_____

_____

_____

3. Bé Tùng ngồi chơi với chiếc xe lửa.

_____

_____

_____

4. Hải và Thuận đang thả diều.

_____

_____

_____

5. Nhân rủ Nghĩa đi chơi đá banh.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Buồn:	*sad*	**Phạt:**	*punish*
Cấm:	*forbid*	**Cố gắng:**	*try*

Duy buồn vì bị bố phạt…

Tân: Chuyện gì vậy Duy? Sao buồn thế?
What's the matter, Duy? Why so sad?

Duy: Bố Duy mới phạt Duy. Bố cấm không cho coi ti-vi một tuần.
My dad just punished me. He forbade me from watching TV for a week.

Tân: Sao vậy?
Why?

Duy: Vì Duy coi ti-vi nhiều quá. Bài thi vừa rồi Duy bị điểm thấp vì không chịu học bài đủ.
Because I watched TV too much. Last test, I got a low grade because I did not study enough.

Tân: Vậy từ nay cố gắng học bài cho kỹ. Thôi, vui lên!
Then from now on try to study more thoroughly. Cheer up!

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Happy:	*vui*	**Gave:**	*cho*
Allowed:	*cho phép*	**One hour a day:**	*mỗi ngày một tiếng*

Why so happy?

_____

_____

_____

My dad just gave me $10.

_____

_____

_____

He allowed me to watch TV one hour a day.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 16: Rùa Và Thỏ

Thứ Hai: Tập Đọc

Chế giễu: *make fun of*	**Chậm chạp:** *slow*	**Mỉa mai:** *mocking*
Đồng ý: *agree*	**Trọng tài:** *referee*	**Vận động viên:** *athlete*

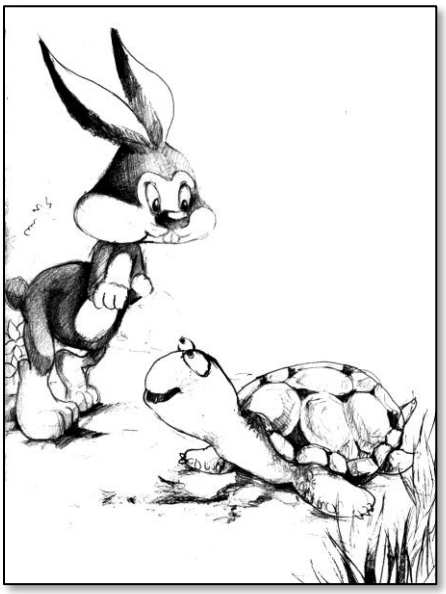

Thỏ một hôm gặp Rùa chế giễu rùa là quá sức chậm chạp. Nó cười và mỉa mai Rùa:

— *Bạn đã đi được đến những đâu rồi?*

Rùa trả lời:

— *Ừ, ấy vậy mà tôi có thể đi nhanh hơn bạn tưởng đấy. Đua thử một quãng là biết ngay chứ gì.*

Thỏ hết sức buồn cười về cái ý nghĩ chạy đua với Rùa, nhưng để cho vui, nó cũng đồng ý. Và thế là Cáo nhận lời đứng ra làm trọng tài, đánh dấu đoạn đường đua và hô cho hai vận động viên xuất phát.

Thỏ chỉ một thoáng thôi đã mất hút, và để chọc cho Rùa thêm bẽ mặt vì đã dám đua với nó, nó bèn nằm xuống vệ đường ngủ để chờ cho Rùa đi đến.

Trong khi đó, Rùa cứ lê từng bước đi, và sau một lúc, đã đi ngang chỗ Thỏ nằm ngủ. Nhưng Thỏ nằm ngủ say sưa quá; và nó chẳng hề biết Rùa đã đi đến chỗ nó, rồi đã qua và đang đến gần đích. Chợt tỉnh dậy, Thỏ ba chân bốn cẳng phóng nhanh hết sức, nhưng không còn kịp nữa rồi, Rùa đã chạm đích.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Thỏ và Rùa có những điểm khác biệt nào?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao Thỏ chạy thua Rùa?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Câu chuyện này dạy cho ta điều gì?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Thỏ một hôm gặp Rùa **chế giễu** rùa là quá sức chậm chạp. Từ "**chế giễu**" có nghĩa là:

   - *Đem ra làm trò cười.*
   - *Khen ngợi.*
   - *Khuyên bảo.*

2. Nó cười và **mỉa mai** Rùa, "Bạn đã đi được đến những đâu rồi?" Từ "**mỉa mai**" có nghĩa là:

   - *Nói móc với ý khinh thường.*
   - *Khen ngợi.*
   - *Khuyến khích.*

3. Và thế là Cáo nhận lời đứng ra làm trọng tài, đánh dấu đoạn đường đua và hô cho hai vận động viên **xuất phát**. Từ "**xuất phát**" có nghĩa là:

   - *Bắt đầu chạy đua.*
   - *Đứng im tại chỗ.*
   - *Về tới đích.*

4. Thỏ chỉ một thoáng thôi đã **mất hút**... Từ "**mất hút**" có nghĩa là:

   - *Còn nhìn thấy trước mặt.*
   - *Không nhìn thấy đâu nữa.*
   - *Trốn sau bụi cây.*

5. ...và để chọc cho Rùa thêm **bẽ mặt** vì đã dám đua với nó, nó bèn nằm xuống vệ đường ngủ để chờ cho Rùa đi đến. Từ "**bẽ mặt**" có nghĩa là:

   - *Gặp mặt.*
   - *Làm cho đẹp.*
   - *Làm cho xấu hổ.*

6. Nhưng Thỏ nằm **ngủ say sưa** quá; và nó chẳng hề biết Rùa đã đi đến chỗ nó, rồi đã qua và đang đến gần đích. Từ "**ngủ say sưa**" có nghĩa là:

   - *Mới thức dậy.*
   - *Ngủ như chết, không còn biết gì.*
   - *Ngủ trưa.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-16 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

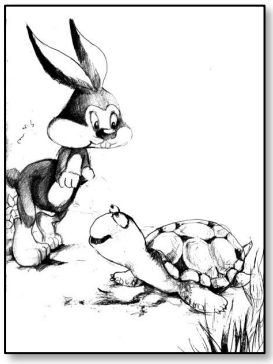

Tho mot hom gap Rua che gieu rua la qua suc cham chap.

Va the la Cao nhan loi dung ra lam trong tai, danh dau doan duong dua va ho cho hai van dong vien xuat phat.

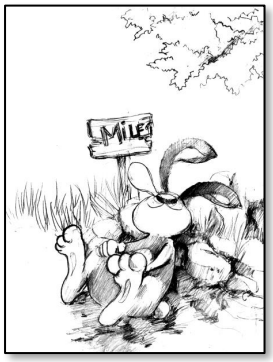

Đe choc cho Rua them be mat, no ben nam xuong ve duong ngu de cho cho Rua di den.

Chot tinh day, Tho ba chan bon cang phong nhanh het suc, nhung khong con kip nua roi.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-16 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

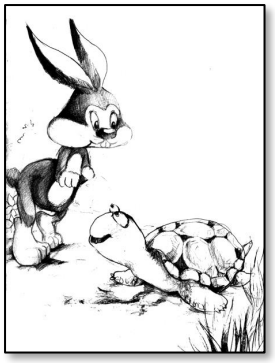

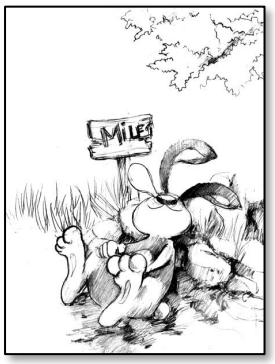

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-16 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Thỏ mộc hôm gặp Rùa chề giễu rùa là quá sức chậm chập. (3 lỗi)

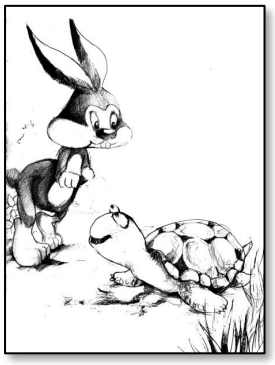

_____

_____

_____

_____

_____

Thỏ hết sức buồng cười về cái ý ngĩ chạy đua với Rùa, nhưng đề cho vui, nó cũng đồng ý. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tron khi đó, Rùa cứ lê từng bước đi, và sâu một lúc, đã đi ngang chố Thỏ nằm ngủ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do vào những câu sau.)

1. Bố dạy Nghĩa lái xe đạp.

_____

_____

_____

2. Huy để dành tiền.

_____

_____

_____

3. Thy và Mai chơi vũ cầu.

_____

_____

_____

4. Mẹ đổ bánh xèo.

_____

_____

_____

5. Các bạn dẫn Nghĩa đi ăn kem.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Pháo bông:	*fireworks*	**Công viên:**	*park*
Trường tiểu học:	*elementary school*	**Lò nướng thịt:**	*grill*

Cuối tuần vào dịp Lễ Độc Lập, gia đình Hải chuẩn bị đi picnic…

Hải: Bố, chiều nay nhà mình đi xem pháo bông nhé?
Dad, can we go to watch fireworks this evening?

Mẹ: Ý kiến hay. Mình hãy đi công viên ở gần Trường Tiểu Học Barnette. Ở đó có nhiều pháo bông nhất.
Good idea. Let's go to the park near the Barnette Elementary School. It has the most fireworks there.

Bố: Ừ, coi bộ vui đó. Vậy mình đi!
OK, sounds like fun. Let's go!

Mẹ: Để mẹ đem theo thịt để nướng.
I will bring the meat to barbecue.

Bố: Để bố đem theo lò nướng thịt.
I will bring the grill.

Hải: Để con lấy nước và trái cây.
I will bring the drinks and fruits.

Bố: Rồi, chúng ta cùng đi!
OK then, let's go!

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Rent:	*mướn*	**Movie:**	*phim*
Store:	*tiệm*	**Fried chicken wings:**	*cánh gà chiên*

Can we go rent a movie tonight?

_____

_____

_____

Let's go to the store near Kroger.

_____

_____

_____

I will bring fried chicken wings.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 17: Con Diệc Kén Ăn

Thứ Hai: Tập Đọc

Thong thả: *leisurely*	**Sẵn sàng:** *ready*	**Hiên ngang:** *proud, unafraid*
Lẩm bẩm: *mumble*	**Lê bước:** *drag (feet)*	**Lập tức:** *immediately*

Sáng sớm, một con Diệc thong thả đi dạo bên bờ suối để kiếm ăn. Chiếc cổ dài và cái mỏ nhọn của nó luôn sẵn sàng để chộp lấy những miếng mồi.

Dưới dòng nước ấm, có rất nhiều cá bơi lội. Diệc nhìn từng đàn cá và tự bảo, "*Cá gì đâu mà bé xíu làm sao mà đủ ăn cho Diệc.*"

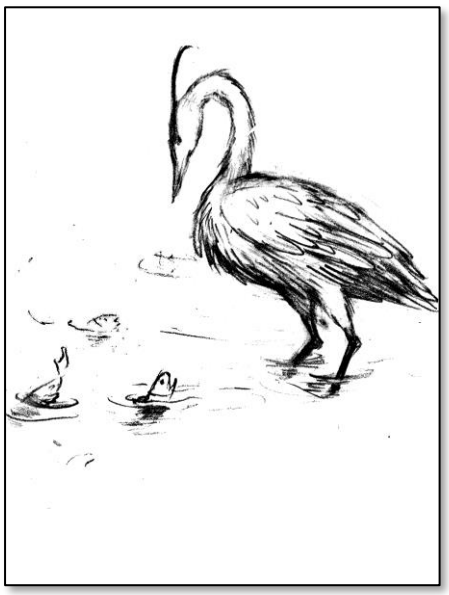

Ngay lúc đó, một con cá rô ngon lành hiên ngang bơi đến. Diệc lại lẩm bẩm, "*Con nào cũng cỏn con như thế! Không thèm ăn đâu!*"

Khi mặt trời đã lên cao, tất cả những đàn cá bơi về giữa dòng suối sâu thẳm mát lạnh, và chẳng còn con cá nào ở gần bờ nữa. Vừa đói vừa mệt mỏi, Diệc lê bước khắp bờ suối. Khi gặp được một con ốc sên nhỏ nhoi, Diệc vui mừng hết sức và lập tức vớ lấy.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao có nhiều cá bơi đến gần bờ suối vào buổi sáng?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Diệc đã làm gì khi thấy con cá rô?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao Diệc lại vui mừng khi bắt được một con ốc sên?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Sáng sớm, một con Diệc **thong thả** đi dạo bên bờ suối để kiếm ăn. Từ "**thong thả**" có nghĩa là:

   - *Hấp tấp.*
   - *Chậm rãi, từ tốn.*
   - *Vội vàng.*

2. Chiếc cổ dài và cái mỏ nhọn của nó luôn **sẵn sàng** để chộp lấy những miếng mồi. Từ "**sẵn sàng**" có nghĩa là:

   - *Chuẩn bị đầy đủ.*
   - *Chưa sửa soạn.*
   - *Không sử dụng được.*

3. Ngay lúc đó, một con cá rô ngon lành **hiên ngang** bơi đến. Từ "**hiên ngang**" có nghĩa là:

   - *Hiên nhà để che cho mát.*
   - *Không sợ hãi, tự tin.*
   - *Rụt rè, nhát đảm.*

4. Diệc lại **lẩm bẩm**, "Con nào cũng cỏn con như thế! Không thèm ăn đâu!" Từ "**lẩm bẩm**" có nghĩa là:

   - *Há miệng la to để mọi người nghe.*
   - *Nói nhỏ trong miệng, chỉ vừa để mình nghe.*
   - *Nói những việc không đúng chỗ, đúng lúc.*

5. Vừa đói vừa mệt mỏi, Diệc **lê bước** khắp bờ suối. Từ "**lê bước**" có nghĩa là:

   - *Chân đi sát đất, từng bước một.*
   - *Chạy bộ đều đặn.*
   - *Đi nhanh nhẹn, mau chóng.*

6. Khi gặp được một con ốc sên nhỏ nhoi, Diệc vui mừng hết sức và **lập tức** vớ lấy. Từ "**lập tức**" có nghĩa là:

   - *Một lúc sau.*
   - *Một lúc trước.*
   - *Ngay tức thì, ngay lúc bấy giờ.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-17 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Chiec co dai va cai mo nhon cua no luon san sang de chop lay nhung mieng moi.

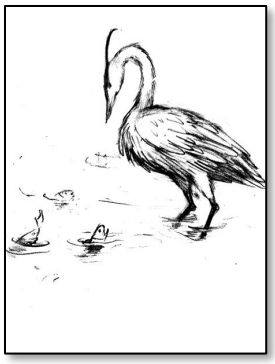

Diec nhin tung dan ca va tu bao, "Ca gi dau ma be xiu lam sao ma du an cho Diec."

Ngay luc do, mot con ca ro ngon lanh hien ngang boi den.

Khi gap duoc mot con oc sen nho nhoi, Diec vui mung het suc va lap tuc vo lay.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-17 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-17 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Sáng sớm, một cong Diệc thong thã đi dạo bên bở suối để kiếm ăn. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Ngai lúc đó, một con cá rô ngon lảnh hiên ngang bơi đến. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Khi mật trời đã lên cao, tấc cả những đàn cá bơi về giữa dòng suối sâu thẳm mát lạn. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Cách Chấm Câu

(Cho các em thêm các dấu chấm câu vào những câu sau đây.)

Xưa có ông ngư phủ tuy đã già mà vẫn tham lam ____ ông tìm thấy cái bao to ai bỏ quên ____ ông bỏ vào ghe ____ vì sợ ghe chìm ____ ông đổ cá đi chỉ giữ lại cái bao ____ khi về tới nhà ____ ông mở ra coi ____ thì hỡi ôi ____ đó chỉ là khối đá to ____

(Cho các em viết lại đoạn văn với những dấu chấm câu. Nhớ viết hoa những từ ở đầu câu.)

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Hút bụi:	*vacuum*	**Giặt:**	*do laundry, wash*
Gấp:	*folding*	**Gia đình:**	*family*

Sáng Thứ Bảy…

Bố: Sáng nay, hai con có thể giúp bố mẹ thu dọn nhà cửa được không?
Can you two kids help us clean up the house this morning?

Việt & Mai: Dạ. Bố muốn chúng con làm gì?
Yes, sir. What do you want us to do?

Bố: Việt, hút bụi các phòng. Mai, giúp mẹ giặt và gấp quần áo. Còn bố, bố sẽ cắt cỏ sân trước nhà.
Việt, you vacuum the rooms. Mai, you help Mom do laundry and fold clothes. And I will mow the lawn in the front yard.

Mẹ: Khi nào xong, gia đình mình sẽ đi ăn kem.
When we finish, our family will go eat ice cream.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Homework:	*bài làm ở nhà*	**Water the plants:**	*tưới cây*
Backyard:	*sân sau nhà*	**Restaurant:**	*nhà hàng*

Can you help me do my homework this afternoon?

_____

_____

_____

I will water the plants in the backyard.

_____

_____

_____

When we finish, our family will go to the restaurant.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 18: Chuột Trả Ơn

Thứ Hai: Tập Đọc

Bất ngờ: *suddenly*	**Hốt hoảng:** *panic*	**Vội vàng:** *hurriedly*
Van xin: *beg*	**Đền đáp:** *repay (kindness)*	**Rộng lượng:** *generous*

Một con Sư Tử nằm ngủ trong rừng, đầu gục trên đôi chân. Bỗng có một con Chuột Nhắt bất ngờ đụng phải Sư Tử. Quá hốt hoảng nó vội vàng bỏ chạy, đạp cả lên mũi Sư Tử. Ngứa mũi tỉnh dậy, Sư Tử giận dữ giơ chân chộp lấy Chuột Nhắt nhỏ bé để giết chết.

Chuột Nhắt bé nhỏ van xin:

— *Xin tha cho cháu! Xin ông thả cháu ra, đến một ngày nào đó cháu sẽ đền đáp công ơn ông.*

Sư Tử quá buồn cười khi nghĩ rằng con chuột bé tí này có khi nào lại giúp được gì cho mình. Nhưng nó rộng lượng và cuối cùng thả cho Chuột đi.

Ít ngày sau, trong khi mải mê đuổi theo con mồi, Sư Tử đã dính vào bẫy lưới của một thợ săn. Cựa quậy mãi cũng không thể thoát ra được, Sư Tử gầm rống vang khắp rừng. Chuột Nhắt nghe tiếng gầm biết Sư Tử bị nạn liền chạy lại thấy Sư Tử đang nằm trong lưới.

Chạy đến một trong những sợi thừng to nhất đang buộc chặt Sư Tử, Chuột Nhắt nhấm cho đến khi dây đứt ra. Chỉ một lát sau, Sư Tử đã được tự do.

Chuột Nhắt bảo Sư Tử:

— *Ông đã cười khi cháu bảo sẽ có ngày cháu đền đáp. Giờ thì ông đã thấy rồi đấy, bé xíu như Chuột nhưng vẫn có thể cứu được cả Sư Tử.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Chuyện gì đã xảy ra khi Sư Tử đang nằm ngủ trong rừng?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Sư Tử đã nghĩ gì và đã làm gì khi Chuột Nhắt van xin thả nó ra?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Chuột Nhắt đã cứu Sư Tử bằng cách nào?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Bỗng có một con Chuột Nhắt **bất ngờ** đụng phải Sư Tử. Từ "**bất ngờ**" có nghĩa là:

   - *Đã dự tính trước.*
   - *Không dự tính trước.*
   - *Vui vẻ.*

2. Quá **hốt hoảng** nó vội vàng bỏ chạy, đạp cả lên mũi Sư Tử. Từ "**hốt hoảng**" có nghĩa là:

   - *Bình tĩnh.*
   - *Sợ hãi.*
   - *Sung sướng.*

3. Xin ông thả cháu ra đến một ngày nào đó cháu sẽ **đền đáp** công ơn ông. Từ "**đền đáp**" có nghĩa là:

   - *Quên ơn.*
   - *Tặng quà.*
   - *Trả ơn.*

4. Nhưng nó **rộng lượng** và cuối cùng thả cho Chuột đi. Từ "**rộng lượng**" có nghĩa là:

   - *Buồn bã.*
   - *Dễ tha thứ, bao dung.*
   - *Ích kỷ.*

5. ...trong khi **mải mê** đuổi theo con mồi, Sư Tử đã dính vào bẫy lưới của một thợ săn. Từ "**mải mê**" có nghĩa là:

   - *Nhanh chóng.*
   - *Không chú ý.*
   - *Tập trung, chú ý.*

6. Cựa quậy mãi cũng không thể thoát ra được, Sư Tử **gầm rống** vang khắp rừng. Từ "**gầm rống**" có nghĩa là:

   - *Giận dữ.*
   - *La to, hét.*
   - *Nói nhỏ, thì thào.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-18 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Bong co mot con Chuot Nhat bat ngo dung phai Su Tu.

Xin ong tha chau ra, den mot ngay nao do chau se den dap cong on ong.

Cua quay mai cung khong the thoat ra duoc, Su Tu gam rong vang khap rung.

Chay den mot trong nhung soi thung to nhat dang buoc chat Su Tu, Chuôt Nhat nham cho den khi day dut ra.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-18 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-18 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nghứa mũi tĩnh dậy, Sư Tử giận dữ giơ châng chộp lấy Chuột Nhắt nhỏ bé để giết chết. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Sư Tử quá buồn cười khi ngĩ rằng con chuộc bé tí này có khi nào lãi giúp được gì cho mình. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Giờ thì ông đã tấy rồi đấy, bé xíu như Chuột nhưng vẫn có thể cứu đượt cả Sư Tử. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Cách Chấm Câu

(Cho các em thêm các dấu chấm câu vào những câu sau đây.)

Mỗi buổi chiều tôi đi học về ____ ông thường đón tôi tại sân nhà ____ ông hỏi han và khuyến khích tôi học hành ____ ông thường ví trí óc con người như một viên ngọc quí ____ nếu không giũa mài ____ nghĩa là không chịu học hành thì cũng chỉ là cục đá vô dụng mà thôi ____

(Cho các em viết lại đoạn văn với những dấu chấm câu. Nhớ viết hoa những từ ở đầu câu.)

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Bài giảng:	*lecture*	**Chưa hiểu:**	*Don't understand*

Hôm nay cô giáo giảng bài, mà Huy vẫn chưa hiểu rõ lắm. Vì thế lúc tan trường, Huy quay lại gặp cô giáo đang còn trong phòng học…

Huy: (Gõ cửa cộp cộp) Thưa cô, con vào được không?
(Knock, knock) Ma'am, may I come in?

Cô giáo: Được, vào đây. Con ngồi đi.
Yes, come in. Have a seat.

Huy: Cám ơn cô.
Thank you, ma'am.

Cô giáo: Con cần gì?
What do you need?

Huy: Con cần hỏi cô về bài giảng ngày hôm nay. Có chỗ con chưa hiểu rõ lắm.
I need to ask you a question about today's lecture. There's something I still don't understand clearly.

Cô giáo: Được lắm! Cô rất thích được người ta hỏi bài. Vậy, câu hỏi của con là gì vậy?
Great! I love being asked questions about lectures. So what's your question?

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Homework:	*bài tập*	**Word:**	*từ, chữ*
Mean:	*nghĩa*	**Study:**	*học bài*

I need to ask you a question about last week's homework.

_____

_____

_____

What does this word mean?

_____

_____

_____

It means "to study".

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 19: Người Tiêu Hoang

Thứ Hai: Tập Đọc

Tiêu xài: *spending, squander*	**Hoang phí:** *wastefully*	**Sờn rách:** *threadbare*
Thời tiết: *weather*	**Khủng khiếp:** *terribly*	**Mỏng manh:** *thin*

Một thanh niên trẻ nổi tiếng là tiêu xài hoang phí. Chẳng được bao lâu thì anh đã nhẵn túi.

Ngoài những bộ quần áo cũ sờn rách, anh ta chẳng còn tài sản gì có thể bán đi đủ để mua lấy chiếc áo mới.

Anh sẽ phải đi gặp bạn bè, nhưng chẳng biết lấy tiền đâu ra để ăn mặc cho đẹp đẽ như mọi khi.

Ngay lúc đó, một con chim én bay qua, hót líu lo vui vẻ.

Người thanh niên kia, ngỡ là mùa hè đã đến, vội vã mang tất cả quần áo cũ đi bán rồi đổi lấy một chiếc áo mới.

Nhưng chỉ vài ngày sau, thời tiết thay đổi và trở lạnh khủng khiếp. Anh chàng ngu ngốc với chiếc áo mới mỏng manh và đôi chân trần khó thoát được cái chết trong giá lạnh.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Chàng thanh niên trong câu chuyện là một người như thế nào?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao anh ta cần quần áo mới?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Khi nhìn thấy con chim én, anh ta nghĩ gì?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một thanh niên trẻ nổi tiếng là **tiêu xài** hoang phí. Từ "**tiêu xài**" có nghĩa là:

   - *Dùng tiền.*
   - *Cho tiền người khác.*
   - *Tiết kiệm, để dành tiền.*

2. Một thanh niên trẻ nổi tiếng là tiêu xài **hoang phí**. Từ "**hoang phí**" có nghĩa là:

   - *Cẩn thận, có chừng mực.*
   - *Dè sẻn, tiêu xài một cách tối thiểu.*
   - *Lãng phí, tiêu xài quá mức.*

3. Chẳng được bao lâu thì anh đã **nhẵn túi**. Từ "**nhẵn túi**" có nghĩa là:

   - *Còn nhiều tiền.*
   - *Còn ít tiền.*
   - *Hết sạch tiền.*

4. Ngoài những bộ quần áo cũ **sờn rách**, anh ta chẳng còn tài sản gì có thể bán đi... Từ "**sờn rách**" có nghĩa là:

   - *Bị mòn và sắp rách.*
   - *Dày và chắc.*
   - *Mới tinh.*

5. ...anh ta chẳng còn **tài sản** gì có thể bán đi đủ để mua lấy chiếc áo mới. Từ "**tài sản**" có nghĩa là:

   - *Của cải vật chất.*
   - *Quần áo.*
   - *Sách vở.*

6. Anh chàng ngu ngốc với chiếc áo mới **mỏng manh** và đôi chân trần khó thoát được cái chết trong giá lạnh. Từ "**mỏng manh**" có nghĩa là:

   - *Rất dày.*
   - *Rất đẹp.*
   - *Rất mỏng.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-19 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot thanh nien tre noi tieng la tieu xai hoang phi.

Anh se phai di gap ban be, nhung chang biet lay tien dau ra de an mac cho dep de nhu moi khi.

Ngay luc do, mot con chim en bay qua, hot liu lo vui ve.

Nhung chi vai ngay sau, thoi tiet thay doi va tro lanh khung khiep.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-19 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-19 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Ngoài những bộ quần áo cũ sờn rác, anh ta chẳng còn tài sảng gì có thể bán đi đủ để mưa lấy chiếc áo mới. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Người thanh niên kia, nghỡ là mùa hè đã đến, vội vã mang tắt cả quần áo cũ đi báng rồi đổi lấy một chiếc áo mới. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Anh chàng nghu ngốc với chiếc áo mới mỏng manh và đơi chân trần khó thoát đượt cái chết trong giá lạnh. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn — Cách Đặt Câu Hỏi

(Hãy đổi những câu sau đây thành những câu hỏi.)

1. Tí ham ăn kẹo nên bị nhức răng.

_____

_____

_____

2. Đức thích tìm nhặt những vỏ ốc rồi mang về bỏ vào lọ.

_____

_____

_____

3. Trúc dành dụm từng đồng tiền cắc để giúp người nghèo.

_____

_____

_____

4. Vì giành ăn, hai chú dê đã húc nhau gãy cả sừng.

_____

_____

_____

5. Chiếc xe lao vun vút và ngừng gấp lại khi vừa đến bờ vực thẳm.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Bài đọc:	*reading assignment*	**Khó hiểu:**	*difficult to understand*
Giải thích:	*explain*	**Tự đọc:**	*read it yourself*
Tiến bộ:	*improve*	**Nghĩa:**	*mean*

Dũng lười không muốn đọc bài đọc trong bài tập lớp Việt Ngữ. Dũng nhờ mẹ giúp…

Dũng: Mẹ, bài đọc này dài và khó hiểu quá. Mẹ làm ơn đọc và giải thích cho con được không?
Mom, this reading assignment is too long and difficult to understand. Can you read and explain it to me, please?

Mẹ: Không được, con phải tự đọc. Sau đó, nếu không hiểu, mẹ sẽ giải thích cho con. Như vậy tiếng Việt của con mới có tiến bộ.
No, you must read it yourself. After that, if you don't understand, I will explain it to you. That way, your Vietnamese can improve.

Dũng: Vâng, để con đọc… Mẹ từ này có nghĩa là gì?
Yes ma'am, let me read it… Mom, what does this word mean?

Chuyển Ngữ
(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Puppy:	*con chó con*	**Cute:**	*dễ thương*
Buy:	*mua*	**Take care:**	*chăm sóc*

Dad, this puppy is so cute.

_____

_____

_____

Can you buy it for me, please?

_____

_____

_____

OK, but you have to take care of it.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 20: Sư Tử Già Và Cáo

Thứ Hai: Tập Đọc

Mòn: *worn out*	**Giả vờ:** *pretend*	**Khéo léo:** *cleverly*
Viếng thăm: *visit*	**An ủi:** *console*	**Xơi:** *eat*

Một con Sư Tử già, răng móng đã mòn đến mức nó chẳng còn dễ dàng gì mà kiếm được miếng mồi để ăn mà sống, nó bèn giả vờ nằm ốm.

Nó khéo léo cho mọi hàng xóm của nó biết được điều đó, và rồi nó nằm luôn tại hang và chờ khách đến viếng thăm. Và khi các con vật khác đến để hỏi thăm an ủi nó, nó xơi từng con một.

Cáo cũng đến, nhưng nó hết sức đề phòng. Đứng ở một đoạn đủ xa cho an toàn, Cáo lịch sự hỏi thăm về sức khỏe của Sư Tử. Sư Tử trả lời rằng quả thực nó đang ốm nặng và mời Cáo vào chơi. Nhưng Cáo rất khôn ngoan cứ đứng ở ngoài.

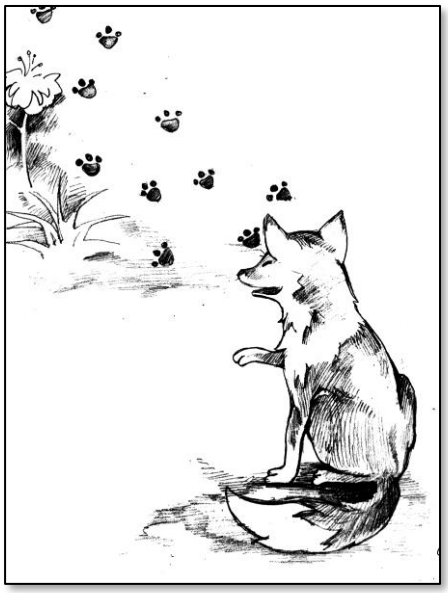

Cáo nói:

— *Tôi đã để ý thấy rằng có rất nhiều dấu chân đi vào hang mà chẳng có dấu chân nào đi ra cả. Khách của ông đi ra bằng lối nào?*

Nói xong, Cáo liền bỏ đi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao Sư Tử già lại giả vờ nằm ốm?

_____

_____

_____

_____

_____

2. Khi những con thú tới viếng thăm, Sư Tử đã làm gì với chúng?

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao Cáo lại không vào thăm viếng Sư Tử?

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con Sư Tử già, răng móng đã **mòn** đến mức nó chẳng còn dễ dàng gì mà kiếm được miếng mồi... Từ "**mòn**" có nghĩa là:

   - *Còn sắc.*
   - *Đã già.*
   - *Không còn sắc nữa.*

2. ...nó bèn **giả vờ** nằm ốm. Từ "**giả vờ**" có nghĩa là:

   - *Không động đậy.*
   - *Làm như thật.*
   - *Trình diễn.*

3. Nó **khéo léo** cho mọi hàng xóm của nó biết được điều đó... Từ "**khéo léo**" có nghĩa là:

   - *Làm một cách giả dối.*
   - *Làm một cách khôn ngoan.*
   - *Làm một cách ngu đần.*

4. ...nó nằm luôn tại hang và chờ khách đến **viếng thăm**. Từ "**viếng thăm**" có nghĩa là:

   - *Đi chơi.*
   - *Ở nhà.*
   - *Tới để hỏi han.*

5. Và khi các con vật khác đến để hỏi thăm an ủi nó, nó **xơi** từng con một. Từ "**xơi**" có nghĩa là:

   - *Ăn.*
   - *Đuổi đi.*
   - *Mời vào.*

6. ...Cáo **lịch sự** hỏi thăm về sức khỏe của Sư Tử. Từ "**lịch sự**" có nghĩa là:

   - *Đùa cợt.*
   - *Lễ phép.*
   - *Vô phép.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

No chang con de dang gi ma kiem duoc mieng moi de an ma song.

Va khi cac con vat khac den de hoi tham an ui no, no xoi tung con mot.

Cao cung den, nhung no het suc de phong.

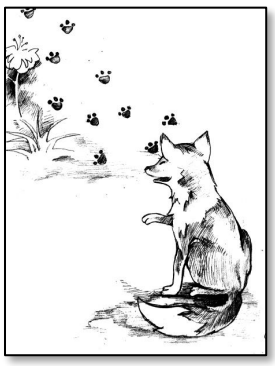

Khach cua ong ra di bang loi nao?

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

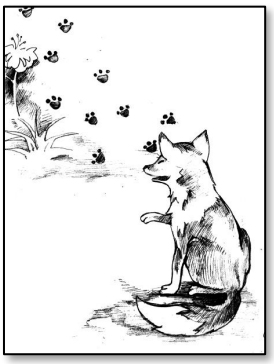

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nó nằm lươn tại hăng và chờ khác đến viếng thăm. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Nhưng Cáo rắc khôn nghoan cứ đúng ở ngoài. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tôi đã để ý thấi rằng có rất nhiều dấu chăn đi vào hang mà chẳng có dấu chân nào đi ra cả. (3 lỗi)

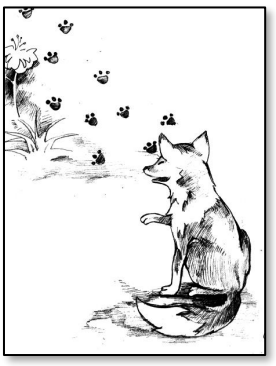

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn — Cách Đặt Câu Hỏi

(Hãy đổi những câu sau đây thành những câu hỏi.)

1. Tí luôn cất sách vở thật ngăn nắp mỗi khi học bài xong.

_____

_____

_____

2. Mẹ mua hộp mứt và một cặp bánh chưng để biếu ông bà nội.

_____

_____

_____

3. Cô giáo tặng Ngọc cây bút màu đen có nạm vàng rất xinh xắn.

_____

_____

_____

4. Trên đường đi thăm nội, xe bị nổ lốp nên bố phải ngừng để thay vỏ lốp mới.

_____

_____

_____

5. Huệ và Hà là bạn thân nên luôn giúp đỡ nhau trong lớp học.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Tết:	*New Year*	**Chúc tuổi:**	*express well wishes*
Tặng:	*give (usually to elders)*	**Dồi dào sức khỏe:**	*abundant health*
Sống lâu trăm tuổi:	*longevity, live to a hundred years*	**May mắn:**	*good luck*

Sáng mùng một Tết, bố mẹ chở Lộc đến nhà ông bà nội để chúc Tết…

Lộc: Chào ông bà nội.
Hello Grandpa and Grandma.

Ông: Ô! Chào cháu.
Oh! Hello Lộc.

Mẹ: Con tặng bố mẹ cặp bánh chưng để ăn Tết. Lộc, chúc tuổi ông bà nội đi con.
I give you a pair of bánh chưng to celebrate the New Year. Lộc, express your well wishes to Grandpa and Grandma.

Lộc: Năm mới, cháu kính chúc ông bà nội dồi dào sức khỏe, sống lâu trăm tuổi và thật nhiều may mắn.
For the New Year, I wish you abundant health, longevity and lots of good luck.

Bà: Ngoan! Ông bà lì-xì cho cháu để lấy hên đầu năm.
Good boy! We "lì xì" you to get good luck for the new year.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Preserved fruits:	*mứt*	**Prosperous:**	*phát đạt*
Success:	*thành công*	**All endeavors:**	*mọi sự*

I give you a box of preserved fruits to celebrate the New Year.

_____

_____

_____

Wishing you a prosperous new year.

_____

_____

_____

Wishing you success in all your endeavors.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

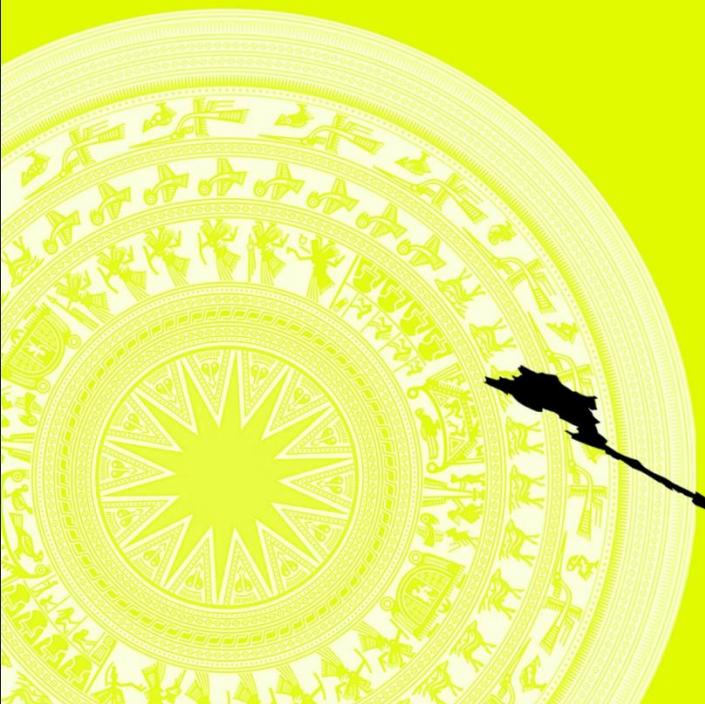

Trường Thánh Tôma Thiện

Giáo Xứ Thánh Giuse
1902 S. Belt Line Road
Grand Prairie, Texas 75051
www.tomathien.org